



**Ngôi sao
THUỐC VIỆT**



Vietnam Value



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



Danapha
PHARMACEUTICAL JSC

MỤC LỤC

01. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	4-5
02. Tổng quan công ty	8
03. Giới thiệu Ban Lãnh đạo	10-11
04. Sơ đồ tổ chức	12-13
05. Sự kiện nổi bật	16-17
06. Con số nổi bật	18-19
07. Báo cáo hoạt động SXKD năm 2016	20-23
08. Mục tiêu, định hướng, giải pháp 2017	24-25
09. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát	26-29
10. Báo cáo Tài chính	
Thông tin về Công ty	30-31
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	32
Báo cáo của Kiểm toán độc lập	33
Bảng cân đối kế toán	34-35
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	36
Báo cáo chuyển lưu tiền tệ	37-38
Thuyết minh báo cáo tài chính	39-55
11. Hoạt động cộng đồng	94-95

CONTENT

01. Message from the Chairman	6-7
02. The company's overview	9
03. The leadership	10-11
04. Organization chart	14-15
05. Outstanding events	16-17
06. Impressive numbers	18-19
07. 2016 business performance report	58-61
08. Objectives, orientation and solutions in 2017	62-63
09. The operation report of Board of Supervisors	64-67
10. Financial statements	
Corporate information	68-69
Statement of the Board of Management	70
Independent auditor's report	71
Balance sheet	72-73
Statement of income	74
Statement of cash flows	75-76
Notes to the financial statements	77-93
11. Social activities	94-95



Áp dụng khoa học công nghệ để cho ra đời các loại dược liệu công nghệ cao, nhằm thực hiện các cam kết về chất lượng dòng sản phẩm Đông dược Danapha, góp phần vào chính sách quốc gia về bảo tồn và phát triển cây thuốc quý, đem lại các giá trị điều trị đích thực cho người bệnh.

Applying science and technologies to introduce modern herbal formulations to fulfill commitments of quality for Danapha's oriental medicinal products, contributing to the national policies on conservation and development of precious medicinal plants and attainment of real treatment values for patients.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quý vị cổ đông kính mến!

Ngành dược Việt Nam vốn được xem là ngành có nhiều cơ hội nhưng cũng tiềm ẩn nhiều thách thức và rủi ro. Tuy nhiên, công nghiệp dược Việt Nam đang có cơ hội rất lớn bởi thị trường dược phẩm trong nước là thị trường tăng trưởng mạnh nhất khu vực châu Á. Được biết, thị trường dược phẩm Việt Nam có giá trị 4,2 tỷ USD tính đến năm 2015, tốc độ tăng trưởng trong giai đoạn 2010-2015 là 17-20% và đến năm 2017, tốc độ tăng trưởng của thị trường sẽ cao hơn 17%. Tiêu thụ dược phẩm bình quân đầu người là 40 USD. Chính sách hấp dẫn của thị trường, cộng với các chính sách về đầu tư trực tiếp nước ngoài vào công nghiệp dược Việt Nam đang đi theo hướng khuyến khích đầu tư và chuyển giao công nghệ trong sản xuất đã đặt các doanh nghiệp trong nước vào tình thế cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp dược nước ngoài đang hiện diện ngày càng sâu rộng tại thị trường Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, bằng tất cả sự nỗ lực của mình để vượt qua những khó khăn, thách thức, Danapha đã thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2016 với con số doanh thu là 490,15 tỷ đồng, đạt 98,03% kế hoạch năm nhưng đặc biệt đó là sự tăng trưởng bất phá trên 32% so với năm 2015, cao nhất trong các năm gần đây. Điều này cho thấy những giải pháp của công ty nhằm tăng doanh thu trong năm 2016 đã phát huy hiệu quả cao. Bên cạnh đó, quyết tâm thực hiện triệt để các chính sách thực hành tiết kiệm, quản lý chi phí đã mang lại một khoản lợi nhuận trước thuế cho Danapha là 75,35 tỷ đồng, đạt 103,9% so với kế hoạch và tăng trưởng hơn 37% so với năm 2015. Điều này cho thấy không những công ty thành công trong nỗ lực nâng cao doanh thu mà còn thành công trong công tác quản lý giá vốn, chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD của công ty. Điểm đặc biệt đáng chú ý là đa số các chỉ số sinh lời của Danapha cao hơn trung bình ngành một cách ấn tượng để chứng minh chúng ta đang là một trong những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả nhất trong ngành dược phẩm tính theo các chỉ số sinh lời. Tỷ suất lợi nhuận gộp của công ty chỉ đứng sau Dược Traphaco (TRA), tỷ suất lợi nhuận ròng chỉ đứng sau Dược Hậu Giang (DHG) và Dược Domesco (DMC), chỉ số ROE chỉ xếp sau và bám sát Dược Hậu Giang (DHG). Thành tích này không những mang lại những kết quả tốt đẹp cho nhà đầu tư, cổ đông mà còn có giá trị khích lệ tinh thần rất lớn cho người lao động của doanh nghiệp khi mà thu nhập bình quân trong năm 2016 đạt 15,5 triệu đồng/1 người/1 tháng.

Thành công là thế, tuy nhiên phải thừa nhận chúng ta còn rất nhiều việc phải làm phía trước để thực sự làm thay đổi cơ bản hoạt động của doanh nghiệp trong thời buổi hòa nhập với thế giới ngày càng phẳng và phải đối mặt với áp lực không ngừng gia tăng trong từ cả doanh nghiệp trong và ngoài nước. Nội tại vẫn còn nhiều yếu kém và chưa được phát huy hết khả năng trong khi thị trường ngày càng chuyển biến mạnh mẽ theo hướng ngày càng gia tăng cạnh tranh.

Nếu xét riêng thị trường dược phẩm Việt Nam, công nghiệp dược gặp phải một số điểm yếu như thiếu chiến lược tập trung và dài hạn trong khi kỹ thuật tiếp thị kém, hệ thống phân phối lại không hiện đại. Trình độ sáng tạo thấp được thể hiện bằng số bằng sáng chế trong nước đăng ký dưới 1%. Các sản phẩm được sản xuất chủ yếu ở dạng bào chế quy ước mà ít dạng bào chế công nghệ cao. Trước tình hình đó, chỉ có con đường đưa khoa học công nghệ cao vào sản xuất với nhà xưởng, thiết bị

và quy trình sản xuất hiện đại chúng ta mới có thể đưa hoạt động của doanh nghiệp sang một trang mới để từ đó mới có thể nói đến sự phát triển bền vững và cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Đó cũng chính là các bước mà chúng ta đang đi trong dự án các dây chuyền sản xuất công nghệ cao tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng. Đây là một dự án mà công ty rất tâm huyết và dành nhiều công sức. Thành công của dự án sẽ đưa Danapha lên một tầm cao mới. Trong hoạt động phân phối và kinh doanh, chúng ta đã đưa vào hoạt động Tổng kho phía Nam, thành lập hai chi nhánh mới và tiếp tục mở rộng các chi nhánh trong tương lai để các chính sách kinh doanh tiếp cận tốt hơn đến các khách hàng. Điểm yếu phân phối sẽ tiếp tục được hoàn thiện bằng việc hợp tác sâu rộng và M&A với các doanh nghiệp có hệ thống và mạng lưới tiêu thụ tốt.

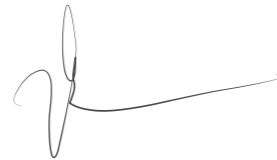
Ngoài ra, điểm sáng về hoạt động xuất khẩu trong năm 2016 tiếp tục được củng cố và duy trì với việc một nhà máy sản xuất hàng xuất khẩu hiện đại và hoàn toàn tự động sẽ được hoàn chỉnh vào cuối năm 2017. Với việc đạt tiêu chuẩn PIC/S, các sản phẩm xuất khẩu Danapha tiếp tục khẳng định chất lượng với các đối tác xuất khẩu và tự tin hiện diện trên nhiều thị trường quốc tế trong tương lai gần.

Với những dự án trọng điểm trong năm 2017, đòi hỏi sự kiên trì và quyết tâm cao độ cộng với một lượng vốn đầu tư lớn, trong ngắn hạn có thể sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp, nhưng thật sự chúng ta không còn sự lựa chọn nào khác. Qua đây, tôi cũng chân thành kêu gọi sự chung vai sát cánh, sự đồng lòng và ủng hộ của quý nhà đầu tư, quý cổ đông và tập thể người lao động Danapha để thực hiện thành công con đường mà chúng ta đã lựa chọn vì một Danapha phát triển thịnh vượng.

Thay mặt HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Danapha, tôi trân trọng gửi đến tập thể CBCNV Danapha, những người đã luôn đồng hành và nỗ lực hết mình vì sự phát triển của Công ty, đồng thời gửi đến Quý vị Cổ đông và Nhà đầu tư lời cảm ơn chân thành nhất về niềm tin và sự ủng hộ đối với Danapha trong thời gian qua. Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, định hướng mà chúng ta đã lựa chọn và con đường mà chúng ta đang đi là đúng đắn. Các cam kết với cộng đồng, tâm huyết với doanh nghiệp sẽ là động lực để chúng ta bước tiếp vì một ngày mai tươi sáng hơn.

Kính chúc Quý vị sức khỏe và gặt hái được nhiều thành công.

Trân trọng!



Ths. Ds. Nguyễn Quang Trị
Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc

“ Tập trung tối đa mọi nguồn lực để thực hiện thành công các dự án lớn trong định hướng hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là dự án các dây chuyền sản xuất và nghiên cứu công nghệ cao tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng để tạo hướng đột phá trong hoạt động của doanh nghiệp ”



MESSAGE FROM THE CHAIRMAN

Dear our valued shareholders!

Pharmaceutical industry in Viet Nam is inherently regarded as a sector embracing not only a vast array of opportunities but also numerous challenges and risks. However, the pharmaceutical industry in Viet Nam is endowed with gigantic opportunities as the domestic pharmaceutical market growth is the highest in the Asian region. The pharmaceutical industry in Vietnam had been reportedly worth USD 4.2 billion by 2015, the growth rate in the period 2010-2015 was 17-20% and by 2017, the market growth rate will be more than 17%. Per capita consumption of pharmaceutical products is USD 40. It is the attraction of the market, coupled with policies on foreign direct investment in the pharmaceutical industry in Viet Nam, which is moving towards encouraging investment and technology transfer in production have put domestic enterprises into a fiercely competitive situation with foreign pharmaceutical enterprises that are increasingly pervasive in the Vietnamese market.

In that context, with all efforts to surmount the difficulties and challenges, Danapha successfully realized its production and business plan in 2016, representing by the revenue of VND 490.15 billion, fulfilling 98.3% of the annual plan and especially the breakthrough growth of more than 32% compared with 2015, the highest rate in recent years. This indicates that the company's solutions to raise revenue in 2016 have been highly effective. Furthermore, the determination to radically adopt the policies on thrift practicing, cost management has resulted in VND 75.35 billion of pre-tax profit for Danapha, fulfilling 103.9% the plan and a remarkable growth of more than 37% against 2015. This demonstrates that the company has not only succeeded in raising revenue but also in management of costs of fund, expenses, contributing to improving the company's production and business performance. A unique and notable fact is that the majority of Danapha's profitability indicators are impressively higher than the sector's average, which proving we are currently one of the most effective enterprises in the pharmaceutical sector as per profitability indicators. The company's gross profit margin is only behind Traphaco Pharmaceutical Company (TRA), net profit margin is only behind DHG Pharmaceutical Joint Stock Company - DHG PHARMA and Domesco Medical Import-Export JSC (DMC), ROE marginally ranks after DHG. This accomplishment does not only bring about good outcomes for investors, shareholders but also means huge spiritual stimulation value for the company's employees when their average income during 2016 stood at VND 15.5 million/person/month.

Despite the acknowledged success, we must admit that there is still much to do ahead to really create fundamental changes to the company's operations in the context of the integration into a flatter and flatter world and we have to encounter incremental pressures from both domestic and overseas businesses. Internally, there are still significant shortcomings and we have not been able to capitalize on all our potentials while the market is changing more and more drastically toward competitiveness.

Taking the pharmaceutical market in Viet Nam alone into account, the pharmaceutical industry is facing a number of setbacks such as the shortage of focused and long-term strategies while the marketing practice is weak and the distribution system is not modern. The low creativity level is

reflected through the number of registered domestic patents of less than 1%. The products have been manufactured mainly in the form of conventional preparation while Hi-tech preparations are limited. On that ground, only by integrating Hi-tech science and technology into production with cutting-edge factories, facilities and production processes will we be able to turn the company's operations to a new page, thus comes the sustainable growth and competition with foreign funded enterprises. They are also the steps we are taking in the project on Hi-tech production lines at Da Nang Hi-tech park. This is a project that the company is dedicated to and puts enormous energy and efforts in. The project's success will raise Danapha to a new height. In distribution and business activities, we have brought into operations the general warehouse in the South, established two new branches and continued expanding the branches in the future so that business policies will find a better way to our customers. The gaps in distribution will be continuously closed through broad and intensive cooperation as well as M&A with the enterprises having good distribution system and network.

In addition, the beacon in exporting activities in 2016 continues being strengthened and maintained with the fact that a state-of-the-art and fully-automated exporting factory will be completed by the end of 2017. Meeting PIC/S standards, Danapha's exporting products will further assert their quality with exporting partners and Danapha is confident to be present in a great variety of international markets in the near future.

The key projects in 2017 which require persistence and high determination associated with a large amount of investment capital may cause difficulties for the company in the short term, but we have no choice left. Hence, I hereby sincerely urge for synergy, unanimity and support from honorable investors, shareholders and all employees of Danapha in an effort to be successful on the way we have chosen for Danapha's prosperity and development.

On behalf of the BOD and BOM of Danapha Pharmaceutical JSC, I would like to expand my warmest thanks to all Danapha's staff and employees, those who have always accompanied and exerted their best efforts for the Company's development. My most cordial thanks also go to our Honorable Shareholders and Investors for their trust and support to Danapha over the years. I completely believe that our chosen direction and the road we are heading are right. Commitments to the community, dedications to our company will be motivations for our next steps towards a brighter future. Wish you all good health and success.

Yours truly!



Mr. Nguyen Quang Tri
Chairman/ General Director

“ Focusing on utilizing all resources to successfully implement large-scale projects in operational directions of the company, especially the projects on production lines and Hi-tech research at Da Nang Hi-tech Park in an attempt to generate breakthroughs in the company's operations ”



TỔNG QUAN CÔNG TY

Cổ phần hóa từ tháng 10/2006 và chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2007 với tên gọi Công ty Cổ phần Dược Danapha. Trải qua gần 50 năm trưởng thành và phát triển, Danapha ngày càng khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm, thương hiệu ngày càng được khẳng định tại Việt Nam và thế giới. Danapha hiện có 2 nhà máy với 4 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn "Thực hành tốt sản xuất thuốc của Tổ chức Y tế thế giới" (GMP-WHO); bao gồm hệ thống kiểm nghiệm đạt chuẩn GLP và hệ thống kho đạt GSP, trong đó Nhà máy số 2 chuyên sản xuất các sản phẩm thuốc có nguồn gốc từ dược liệu được đầu tư bài bản với dây chuyền hoàn toàn khép kín và là nhà máy sản xuất thuốc đông dược đầu tiên của Việt Nam đạt GMP-WHO. Danapha cũng tìm kiếm một hướng đi riêng cho mình trong việc đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu với việc cho ra đời Trung tâm Nghiên cứu phát triển được đầu tư quy mô, hiện đại, hứa hẹn đem lại những thành công mới trong tương lai.

Sản phẩm của Danapha được phân phối trên khắp 63 tỉnh thành trong cả nước thông qua 7 chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Cần Thơ và Trung tâm tại Đà Nẵng cùng với các đại lý, nhà phân phối tại các địa phương. Sản phẩm công ty cũng đã xuất khẩu sang các nước Nga và các nước khối CIS, các quốc gia Đông Âu và Đông Nam Á. Doanh thu bình quân hàng năm tăng trưởng từ 15 - 20%.

TÂM NHÌN

- Là một trong Top 10 nhà sản xuất dược phẩm uy tín tại Việt Nam.

VISION

- Being in the top 10 trusted Vietnam pharmaceutical companies.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Nỗ lực cống hiến vì sức khỏe cộng đồng với những giá trị nhân văn cao đẹp.

BUSINESS PHILOSOPHY

- Relentless dedicate for community health with noble humane values.

THE COMPANY'S OVERVIEW

Being equitized since October 2006, officially since 01 January 2007 carrying the corporate name of Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company (JSC) and undergoing almost 50 years of growth and development, Danapha has been increasingly affirming its status in the pharmaceutical industry. Its brand name has been ever stronger and stronger in Viet Nam and worldwide. Danapha currently has two factories with four production lines meeting Good Manufacturing Practice – World Health Organisation (GMP-WHO) quality standards; This includes the GLP standard testing system and the GSP-certificated warehouse system with Factory No. 2 specializing in the production of medicines derived from medicinal herbs. The factory is professionally invested with completely closed lines and being the first GMP-certificated oriental medicine factory in Vietnam. Danapha also seeks for a unique direction in fostering intensive research activities with the launch of a sizably invested and state-of-the-art Research and Development (R&D) Center that promises new waves of success in the future.

Danapha's products are distributed throughout 63 provinces and cities across the country through 7 branches in Hanoi, Ho Chi Minh City, Vinh Phuc, Thanh Hoa, Khanh Hoa, Can Tho and Center in Da Nang accompanied by a network of agents and distributors in localities. The company's products have also been exported to Russia and CIS countries, Eastern European and Southeast Asian countries. Its annual revenue averagely grows by 15 - 20%.

SỨ MỆNH

- Sản xuất những sản phẩm mang giá trị chất lượng, đạt hiệu quả tối ưu.
- Không ngừng đổi mới vì sự chuyên nghiệp và phát triển bền vững.
- Nhân lực là yếu tố quyết định mọi thành công của Danapha.
 - Chú trọng hiệu quả chiều sâu của công việc.

MISSION

- To manufacture products that represent quality values and optimal effectiveness.
- Continual renovations towards professionalism and sustainable development.
- Human resources are a decisive factor for Danapha's success.
 - To emphasize on efficiency and depths of work.

HỆ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Sự tôn trọng
- Chất lượng
- Chú trọng khách hàng
- Tinh thần tập thể
- Sự chuyên nghiệp

CORE VALUES

- Respect
- Quality
- Customer focus
- Teamwork
- Professionalism

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS

Ông Nguyễn Đức Sơn
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Member



Ông Lại Tiến Mạnh
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Member



Ông Mai Đăng Đầu
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Member



Bà Nguyễn Thị Liên Hoa
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Member



Ông Nguyễn Quang Trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Chairman



Ông Phạm Khắc Hà
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Member



Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Member



Ông Trương Công Trị
Ủy viên Hội đồng Quản trị
Member



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BOARD OF MANAGEMENT



Ông Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc
General Director



Ông Mai Đăng Đầu
Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director



Ông Dương Chí Toàn
Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director

BAN KIỂM SOÁT

SUPERVISORY BOARD



Ông Nguyễn Hoàng Giang
Trưởng Ban Kiểm soát
Head of Supervisory Board



Bà Hà Thị Phúc
Thành Viên Ban Kiểm soát
Member of Supervisory Board

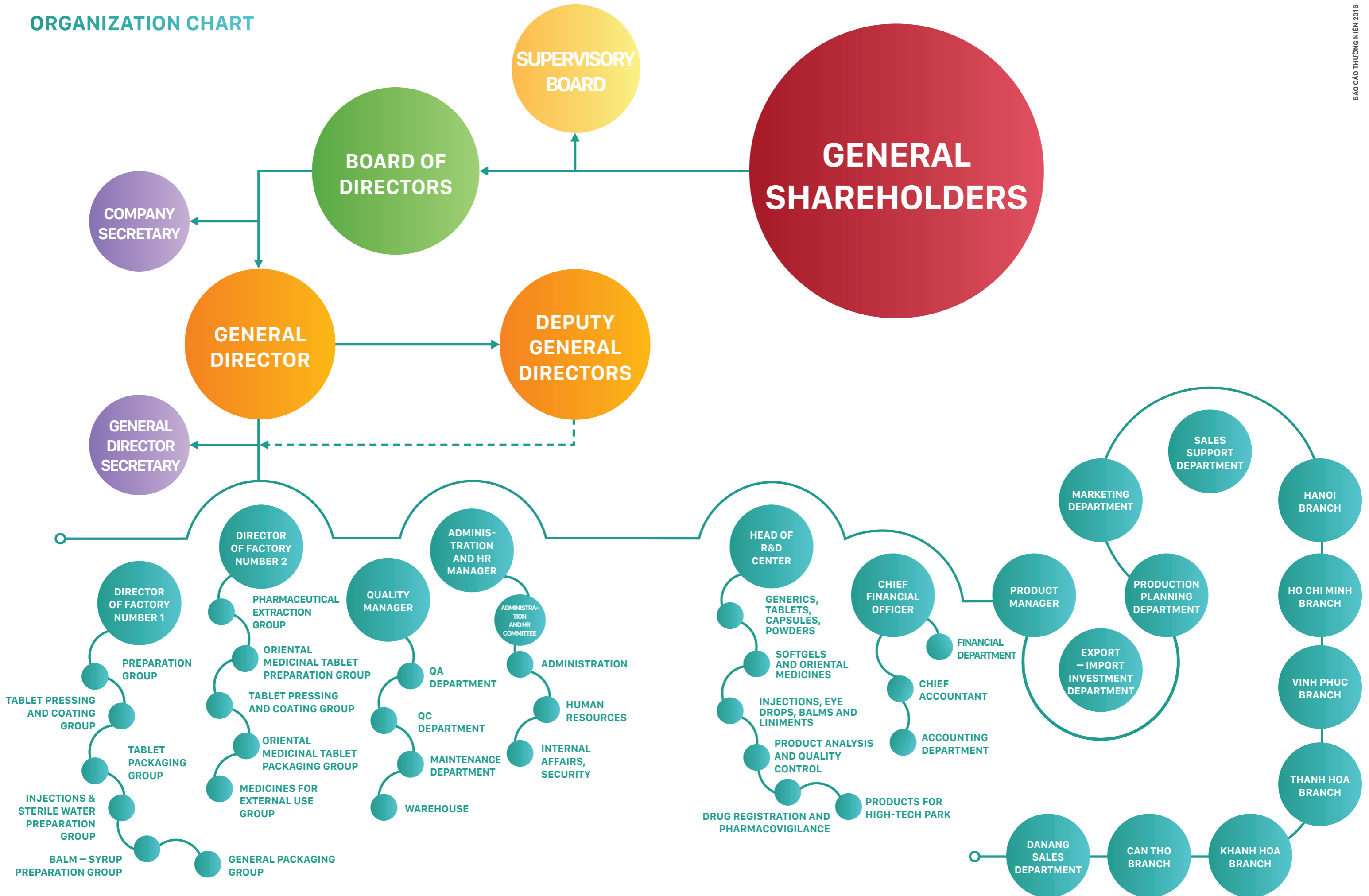


Bà Phạm Hương Giang
Thành Viên Ban Kiểm soát
Member of Supervisory Board

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ORGANIZATION CHART



SỰ KIỆN NỔI BẬT

OUTSTANDING EVENTS

Ngày 12/4/2016, Công ty CP Báo cáo Đánh giá Việt nam (Vietnam Report) và Báo Vietnamnet – Bộ Thông tin Truyền thông đã công bố Bảng xếp hạng FAST500 - 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam kỳ công bố năm 2016. Là một doanh nghiệp liên tiếp 3 năm liền được vinh danh trong bảng xếp hạng Fast 500, Danapha đã vượt qua nhiều khó khăn thách thức, giữ vững thương hiệu, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu, đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế.

Ngày 22/6/2016, Công ty Cổ phần Dược Danapha chính thức được Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng chứng nhận là nhà đầu tư vào Khu công nghệ cao Đà Nẵng. Từ đây, Danapha sẽ dựng xây nên “Nhà máy sản xuất dược phẩm với công nghệ Nano, công nghệ sinh học và Trung tâm nghiên cứu phát triển công nghệ cao” có quy mô 1.500 tỷ đồng. Với dự án đầu tư này, Danapha sẽ tiên phong cho ra đời những sản phẩm đặc trị có hiệu quả cao, giúp giảm chi phí điều trị cho người dân và góp phần đưa ngành dược Việt Nam thoát khỏi tình trạng phụ thuộc vào thuốc ngoại nhập.

Ngày 25/10/2016, Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), Báo Vietnamnet - Bộ Thông tin và Truyền thông đã chính thức công bố Danapha thuộc Top 10 doanh nghiệp Dược Việt Nam uy tín năm 2016. Danh sách này được đánh giá, chọn lọc dựa trên 3 tiêu chí: năng lực tài chính; uy tín truyền thông; khảo sát các dược sỹ/ hiệu thuốc về chất lượng và thực trạng phân phối dược phẩm. Theo đó, Danapha đã chứng minh được năng lực tài chính, tiềm năng tăng trưởng và đặc biệt là chất lượng dược phẩm, xứng đáng lọt vào Top 10 doanh nghiệp Dược Việt Nam uy tín năm 2016.

Ngày 29/10/2016, Danapha đã nhận giải thưởng “Doanh nghiệp vì người lao động” năm 2016 do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức. Đây là kết quả từ những nỗ lực không ngừng của Danapha trong việc cải thiện môi trường làm việc, quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của công nhân, xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, hướng tới phát triển bền vững trong quá trình hội nhập và phát triển.

Ngày 8/11/2016, Danapha chính thức được trao chứng nhận Doanh nghiệp phát triển bền vững do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam (VBCSD) đánh giá, xếp hạng dựa trên ba nhóm yếu tố là chỉ tiêu kinh tế, chỉ tiêu xã hội và tác động đến môi trường. Chứng nhận này góp phần khẳng định uy tín, thương hiệu của Danapha, gia tăng lòng tin của các đối tác, nhà đầu tư và cổ đông, góp phần vào việc phát triển kinh doanh theo hướng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh của Danapha.

Ngày 30/11/2016, Danapha cùng 87 doanh nghiệp khác trên toàn quốc đã vinh dự được nhận biểu trưng Thương hiệu quốc gia do Phó Thủ tướng thường trực chính phủ Trương Hòa Bình và Chủ tịch Hội đồng Thương hiệu quốc gia - Bộ trưởng Bộ Công thương Trần Tuấn Anh trao tặng. Trong tổng số gần 600.000 doanh nghiệp trên cả nước, việc trở thành 1 trong 88 doanh nghiệp được công nhận Thương hiệu quốc gia là sự ghi nhận to lớn đối với những nỗ lực của Danapha, đồng thời chứng tỏ được bản lĩnh của doanh nghiệp trước những khó khăn của thị trường - xứng đáng trở thành hình ảnh đại diện của quốc gia.

THÁNG 4
APRIL

DANAPHA LỌT TOP 500 DOANH NGHIỆP CÓ MỨC TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM NĂM 2016

DANAPHA WAS RANKED IN TOP 500 FASTEST GROWING COMPANIES IN VIETNAM IN 2016

On April 12th, 2016, Vietnam Report and Vietnamnet News under the Ministry of Information and Communications announced the rankings FAST500 – 500 fastest growing companies in Vietnam in 2016. As a company honored in FAST500 for three consecutive years, Danapha overcome many challenges to maintain its brand and expand its domestic and international market, generally making great contribution to the economy.

THÁNG 6
JUNE

DANAPHA ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHỆ CAO ĐÀ NẴNG

DANAPHA WAS CERTIFIED AS AN INVESTOR IN DANANG HI-TECH PARK

On June 22nd 2016, Danapha officially became an investor in Danang Hi-tech Park. Danapha will build a VND 1,500 billion “pharmaceutical factory based on Nano technology and bio-technology and a Hi-tech Research and Development Center”. With this investment project, Danapha will be the pioneer to produce high quality products, reducing treatment cost for patients and assisting Vietnam pharmaceutical industry to stay independent from imported products.

DANAPHA LỌT TOP 10 DOANH NGHIỆP DƯỢC VIỆT NAM UY TÍN NĂM 2016

DANAPHA WAS RANKED IN TOP 10 TRUSTED VIETNAM PHARMACEUTICAL COMPANIES IN 2016

On October 25th, 2016, Vietnam Report and Vietnamnet News under the Ministry of Information and Communications announced that Danapha was ranked in Top 10 Trusted Vietnam Pharmaceutical Companies in 2016. The ranking was assessed based on three criteria: financial ability, media reputation, pharmacists/pharmacies survey on current status and quality of pharmaceutical distribution. Accordingly, Danapha demonstrated its financial ability, growth potential and especially product quality, making the company totally eligible for the position among Top 10 Trusted Vietnam Pharmaceutical Companies in 2016.

THÁNG 10
OCTOBER

DANAPHA NHẬN GIẢI THƯỞNG “DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG” NĂM 2016

DANAPHA WAS AWARDED “EMPLOYEE-ORIENTED ENTERPRISES” IN 2016

On October 29th, 2016, Danapha received the title “Employee-oriented Enterprises” in 2016 at the event co-hosted by Vietnam General Confederation of Labor, Ministry of Labor, Invalids and Social Affairs and Vietnam Chamber of Commerce and Industry. This recognized Danapha’s repeated efforts in improving the working environment, taking care of both physical and mental health of employees, building a healthy corporate culture, maintaining a harmonious, stable and advanced working relations, looking forward to the sustainable development during the process of integration and development.

DANAPHA LỌT VÀO TOP 100 DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG VIỆT NAM 2016

DANAPHA WAS RANKED IN TOP 100 VIETNAM SUSTAINABLE ENTERPRISES IN 2016

On November 8th, 2016, Danapha was granted “Sustainable Enterprise” The title was assessed by the Vietnam Business Council for Sustainable Development (VBCSD) basing on three indicator groups: economic, social and environmental indicators. This title showcased Danapha’s brand and reputation, enhancing the trust of partners, investors and shareholders, making contribution to the sustainable business development and competitive capacity improvement.

THÁNG 11
NOVEMBER

DANAPHA TỰ HÀO ĐƯỢC CÔNG NHẬN THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA NĂM 2016

DANAPHA WAS PROUDLY GRANTED THE NATIONAL BRAND MARK “VIETNAM VALUE” IN 2016

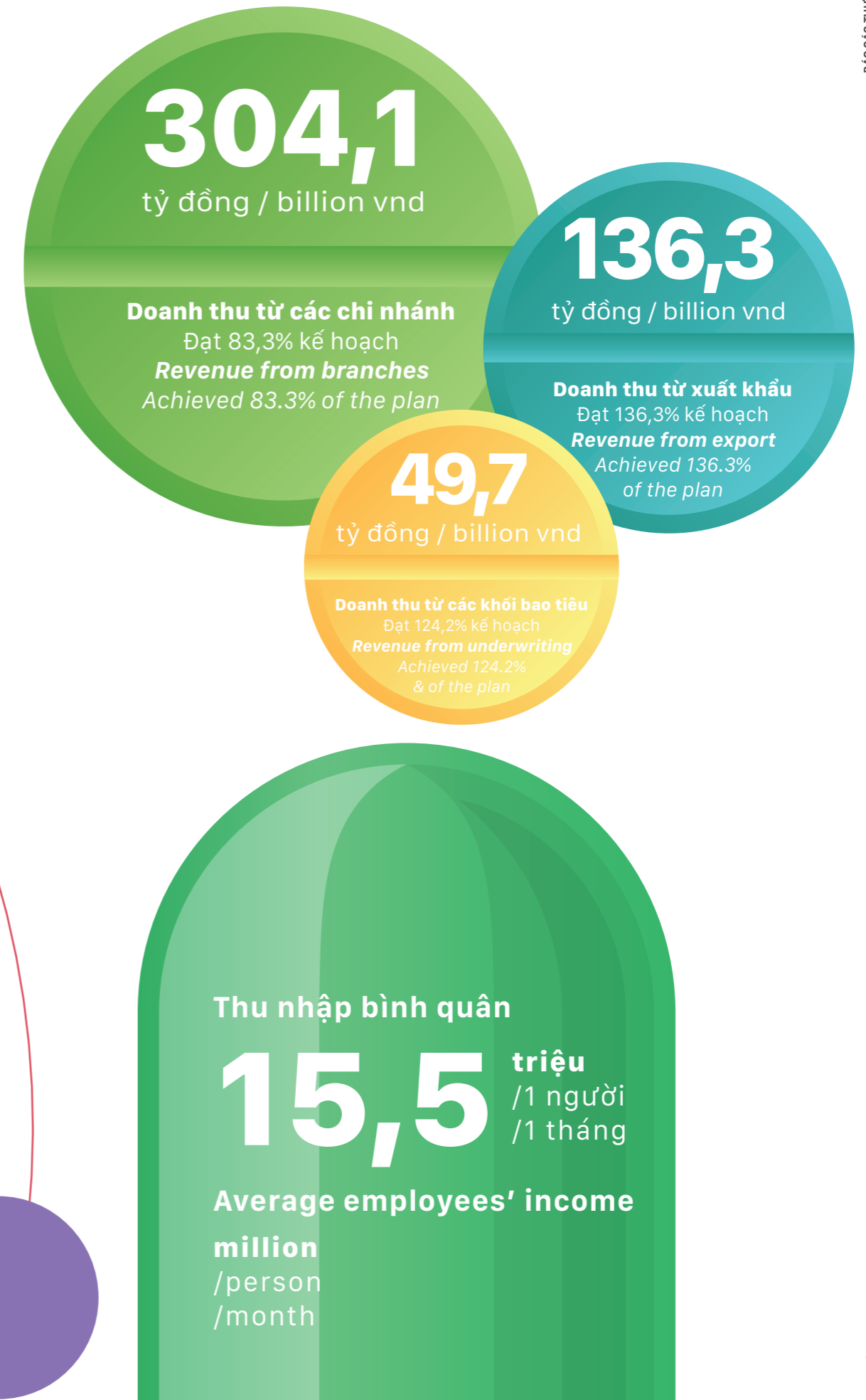
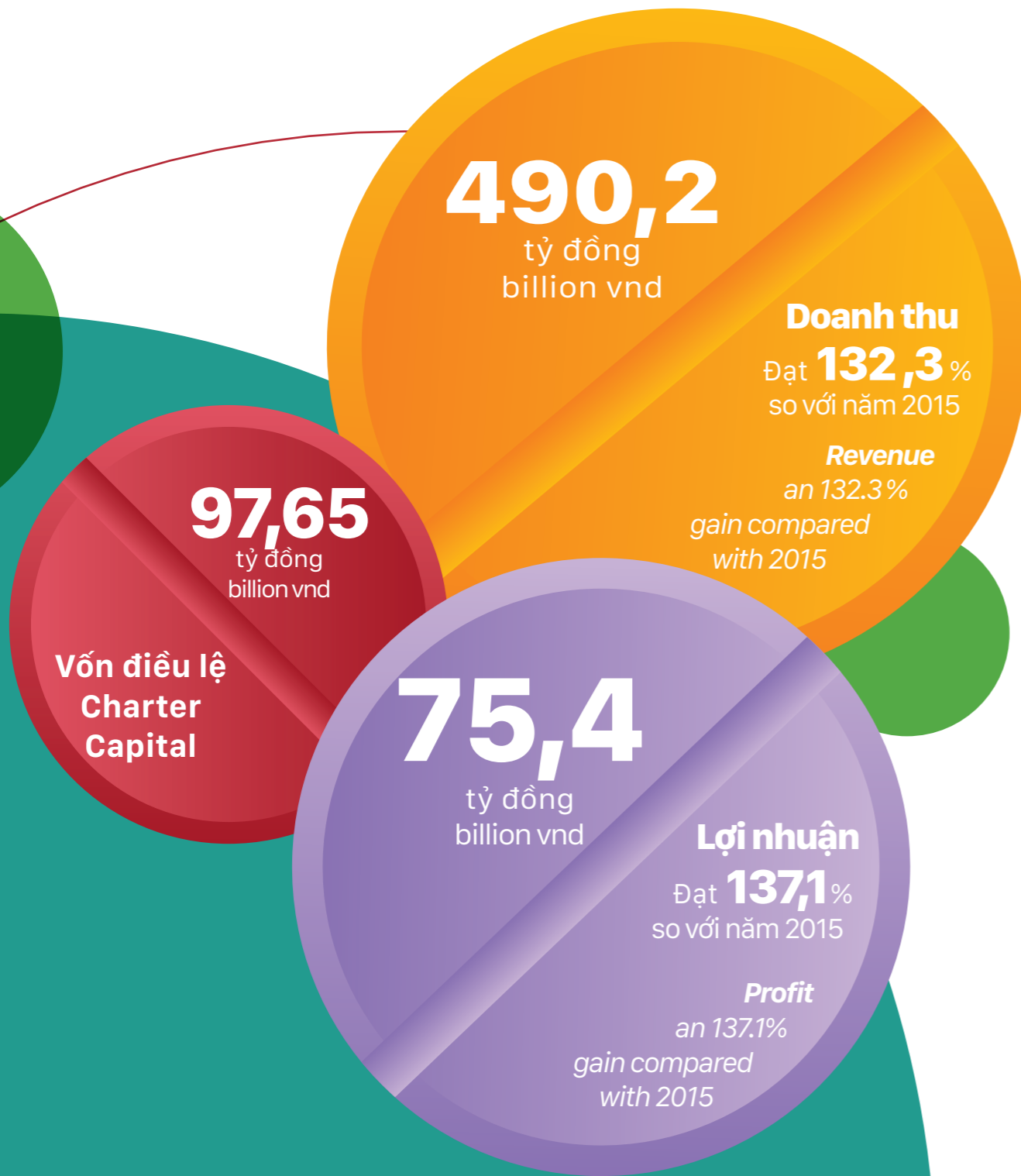
On November 30th, 2016, Danapha and 87 enterprises were proudly granted the national brand mark “Vietnam Value” by Deputy Prime Minister, Mr. Trương Hòa Bình and Chairman of Vietnam Value Board - Minister of Industry and Trade, Mr. Trần Tuấn Anh. Of nearly 600,000 enterprises nationwide, the fact that Danapha was one of 88 enterprises granted “Vietnam Value” provided that Danapha’s efforts were fully recognized. It also acknowledged Danapha’s courage in dealing with the challenging market and that the company deserved to be a national representative image.

CON SỐ NỔI BẬT

IMPRESSIVE NUMBERS

Kết quả hoạt động của các bộ phận

Departments' performance



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH NĂM 2016

I. CƠ CẤU SỞ HỮU HIỆN HỮU CỦA DANAPHA:

- Vốn điều lệ: 97,65 tỷ đồng được chia thành 9.765.000 cổ phần. Trong đó:
 - + Tổng Công ty Dược - CTCP sở hữu 2.916.125 cổ phần chiếm tỷ lệ 29,86%
 - + Cổ đông ngoài sở hữu 5.577.360 cổ phần chiếm tỷ lệ 57,12%
 - + Cổ đông của Danapha sở hữu 1.271.515 cổ phần chiếm tỷ lệ 13,02%

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG:

- Tình hình thị trường dược phẩm năm 2016 không có nhiều biến động. Nguồn cung và giá các mặt hàng thuốc trên thị trường nhìn chung ổn định.
- Trong thời gian tới, ngành dược Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng hai con số so với tăng trưởng giá trị hiện tại.
- Chỉ tiêu cho dược phẩm bình quân trên đầu người ở Việt Nam vẫn tiếp tục tăng và dự đoán sẽ tăng trưởng bởi sự mở rộng của hệ thống bảo hiểm y tế quốc gia.

* Tại Danapha:

- Hoạt động sản xuất vẫn luôn duy trì ổn định và tăng mạnh.
- Nhiều dự án lớn đã và đang được triển khai, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và đột phá của Danapha trong tương lai.
- Đầu tư mạnh mẽ cho máy móc thiết bị để từng bước tự động hóa các công đoạn sản xuất và mở rộng cho hoạt động kinh doanh.

- Việc làm và đời sống của người lao động trong công ty luôn được quan tâm. Thu nhập bình quân năm 2016 trung bình đạt 15,5 triệu đồng/ 1 người/ 1 tháng.

* Tuy nhiên:

- Sự hiện diện ngày càng sâu rộng của các doanh nghiệp dược nước ngoài tại thị trường nội địa đã tạo ra thách thức lớn cho các công ty dược trong nước, vốn đang chỉ tập trung sản xuất các loại thuốc bào chế đơn giản và thuốc generic.
- Tình hình chung vẫn còn nhiều khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt khi các doanh nghiệp cùng ngành đã có sự đầu tư ngày càng bài bản.
- Doanh số các công ty dược phẩm nội địa chiếm khoảng một nửa nhu cầu về thuốc của Việt Nam nhưng hơn 70% giá trị của thị trường vẫn là từ nhập khẩu.
- Nhiều chương trình ủng hộ thuốc nội được phát động nhưng tình hình sử dụng thuốc nội trong hệ thống bệnh viện các tuyến vẫn còn chênh lệch lớn.
- Nhóm hàng đông dược thế mạnh của công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt khi số lượng nhà máy đạt GMP đông dược ngày càng tăng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BỘ PHẬN

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA KHỐI KINH DOANH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2016	TH năm 2016	TH/KH (%)	TH 2016/ 2015 (%)
Doanh thu	500.000	490,15	98,03	132,33
Lợi nhuận trước thuế	72.500	75.349	103,93	137,13

Trong đó:

- Doanh thu từ các chi nhánh: 304,11 tỷ đồng (đạt 83,3% kế hoạch). Cụ thể:
 - + CN. TP. HCM: 90,45 tỷ đồng (đạt 75,4% kế hoạch)
 - + CN. Hà Nội: 81,62 tỷ đồng (đạt 81,6% kế hoạch)
 - + Phòng Bán hàng: 55,20 tỷ đồng (đạt 100,4% kế hoạch)
 - + CN. Thanh Hóa: 46,81 tỷ đồng (đạt 85,1% kế hoạch)
 - + CN. Khánh Hòa: 30,03 tỷ đồng (đạt 85,8% kế hoạch)
- Doanh thu từ khối bao tiêu: 49,69 tỷ đồng (đạt 124,2% kế hoạch)
- Doanh thu từ xuất khẩu: 136,32 tỷ đồng (đạt 136,3% kế hoạch)
- Thu nhập khác: 0,03 tỷ đồng

* Đánh giá chung:

- Kết quả doanh thu năm 2016 không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch. Điều này cần được xem xét một cách thấu đáo để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng trong tương lai và thực hiện các chiến lược dài hơi của công ty. Tuy thị trường có nhiều thách thức bởi các dòng sản phẩm thế mạnh của công ty bắt đầu chịu sự cạnh tranh khốc liệt nhưng cũng phải thẳng thắn thừa nhận là nội lực của hệ thống kinh doanh vẫn chưa được phát huy hết khả năng. Trong năm đến, với hàng loạt các dự án được triển khai, nếu không có sự chuyển biến tích cực sẽ rất khó để đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu lớn của công ty. Với các chi nhánh mới được thành lập cùng với các điều chỉnh trong hoạt động kinh doanh của năm đến, hy vọng sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ để thực hiện thành công chỉ tiêu kế hoạch năm. Nếu không buộc phải có các thay đổi cần thiết.
- Ghi nhận sự cố gắng, nỗ lực của Phòng Đầu tư - XNK và Phòng Bán hàng đã có kết quả doanh thu và tăng trưởng rất tốt.

II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT:

- Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất: Chuyển 1 đạt 90% kế hoạch; Chuyển 2 đạt 83% kế hoạch. Nhà máy 2: Đạt 92% kế hoạch viên đông dược và 97% kế hoạch cao khô, bột.
- Hoạt động cung ứng, điều độ kế hoạch sản xuất khá kịp thời nhằm duy trì hoạt động cả hai nhà máy liên tục và hỗ trợ nhịp nhàng cho nhau, đặc biệt là những tháng cuối năm với kế hoạch xuất khẩu tăng mạnh nhưng vẫn đảm bảo cung ứng đầy đủ các hàng hóa cho thị trường nội địa.
- Phòng KHSX đã chủ động cân đối vật tư dài hơi cho các nguyên liệu sản xuất đối với các mặt hàng chiến lược có khối lượng tiêu thụ ổn định đảm bảo cung ứng hàng kịp thời cho thị trường.

III. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN:

- Tập trung cho các sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường, trong năm đã chuyển giao cho sản xuất 08 sản phẩm thuốc và 02 sản phẩm thực phẩm chức năng. Ngoài ra còn 04 sản phẩm đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cho sản xuất.
- Đã hoàn thành nghiên cứu bào chế 26 sản phẩm, đang tiến hành theo dõi độ ổn định.
- Tiếp tục theo dõi và cải tiến 21 sản phẩm gặp sự cố hoặc quy trình chưa ổn định.
- Hoàn thành kịp thời các hồ sơ đăng ký mới và đăng ký lại, gia hạn hiệu lực nhãn hiệu hàng hóa.
- Theo dõi và cập nhật đầy đủ cảnh giác dược.
- Tham gia phục vụ tái thẩm định GMP-WHO, Ukraina, Nga và chuẩn bị hồ sơ cho 04 sản phẩm cao xoa, dầu xoa, ống hít cho thị trường Mỹ.
- * Tuy nhiên:**
 - Cần có định hướng và xây dựng lộ trình cho việc thay đổi các quy trình sản xuất đã quá cũ và không còn phù hợp.
 - Phối hợp chặt chẽ trong việc đưa sản phẩm mới vào thị trường, đa dạng hóa sản phẩm cho kênh bán hàng OTC.
 - Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và dự báo thị trường.





"Với tiêu chuẩn PIC/S cho nhà máy sản xuất hàng xuất khẩu hiện đại mà Danapha đang triển khai, các sản phẩm xuất khẩu của Danapha sẽ mang một vị thế mới và hiện diện nhiều hơn trên thị trường quốc tế"



IV. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG:

- Triển khai thực hiện, duy trì tính hiệu quả của toàn hệ thống theo các nguyên tắc GPs và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
- Duy trì tốt việc quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất một cách toàn diện, đảm bảo sản phẩm trước khi xuất xưởng được kiểm soát một cách chặt chẽ.
- Thực hiện tốt các nội dung thanh tra, kiểm tra: Kiểm tra định kỳ ISO 9001:2008; Làm việc với đoàn chuyên gia Nga nội dung tái thẩm định GMP Nga; Tái xét GMP-WHO cho nhà máy đồng được thành công.
- Hoạt động kiểm tra trong quá trình sản xuất được duy trì thường xuyên tại các nhà máy, kịp thời phát hiện các lỗi phát sinh để có hướng xử lý kịp thời.
- Về tình hình chất lượng sản phẩm: Trong năm có 73 phiếu sản phẩm không phù hợp, tăng nhiều so với năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do quy trình sản xuất chưa ổn định và bao bì không đạt chất lượng.
- Công tác huấn luyện đào tạo và đánh giá nội bộ được duy trì thường xuyên.

* Tuy nhiên vẫn còn các tồn tại như:

- Mặc dù đã có nhiều nỗ lực từ trung tâm R&D nhưng vẫn còn nhiều quy trình sản xuất chưa thật sự ổn định nên phát sinh nhiều sự cố không phù hợp trong quá trình sản xuất và theo dõi chất lượng.
- Ý thức công nhân trong việc tuân thủ các SOP vẫn còn chưa cao, lưu ý khu vực nhà máy 2.
- Việc quản lý bao bì tại kho vẫn chưa được cải thiện triệt để. Chưa kiểm soát tốt tồn kho và thực hiện cấp phát theo lệnh sản xuất.
- Nhà xưởng tại chuyên 2 chật, số lượng sản phẩm nhiều, dễ gây nhầm lẫn.
- Tình trạng chất lượng bao bì tuy có cải thiện nhiều nhưng vẫn còn nhiều lỗi lặp lại, nhất là các loại lọ đóng thuốc nhỏ mắt, mũi, ống tiêm và bao bì giấy.

V. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ:

- Năm 2017 tiếp tục có sự đầu tư mạnh mẽ cho máy móc thiết bị nhằm tự động hóa các công đoạn sản xuất và nâng cao năng lực sản xuất hàng xuất khẩu.
- Hạng mục Tổng kho phía Nam tại KCN Tân Tạo đã hoàn thiện và đang làm hồ sơ thẩm định để chính thức đi vào hoạt động.

- Đã hoàn thành các thủ tục thuê đất và ưu đãi đầu tư tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng. Chuẩn bị triển khai hạng mục tường rào, công nghệ, cây xanh, đường giao thông nội bộ và dự án Nhà máy thuốc viên công nghệ cao tiêu chuẩn PIC/S giai đoạn 1.
- Tập trung đẩy nhanh tiến độ, nhanh chóng triển khai các công việc liên quan để đưa nhà máy sản xuất nhóm hàng xuất khẩu đi vào hoạt động vào cuối năm 2017. Tiến hành mở rộng và cải tạo nhà văn phòng cho các hoạt động của tương lai.

VI. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO:

- Tiến hành khảo sát đánh giá sự hài lòng của CBCNV năm 2016 và các mong đợi trong năm 2017.
- Triển khai và hoàn thành phần mềm tiền lương BFO cho nhà máy.
- Xây dựng xong phương án thi chuyển đổi ngạch lương và sẽ trình Sở LĐTBXH xem xét cho ý kiến.
- Tuổi đời trung bình của người lao động đang dần được trẻ hóa, tạo ra năng lực sản xuất và kinh doanh tốt hơn.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm và chính sách cho người lao động. Đời sống người lao động luôn được quan tâm. Tiền thưởng cuối năm tăng 15% so với năm ngoái.

* Tuy nhiên:

- Cần xây dựng các chính sách đặc biệt nhằm thu hút nhân lực có trình độ cao phục vụ cho các dự án trọng điểm của công ty trong tương lai gần.
- Chưa xây dựng được kế hoạch và chiến lược phát triển nguồn nhân lực một cách bài bản để phục vụ cho các mục tiêu phát triển lâu dài của doanh nghiệp.
- Các lớp đào tạo được duy trì thường xuyên nhưng ý thức công nhân tại một số bộ phận chưa được cải thiện.
- Tính đến 31/12/2016, tổng số lao động của công ty là 431 người. Trong đó: Trình độ trên đại học là 26 người; Đại học là 168 người; Còn lại là cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và lao động phổ thông.



“Với định hướng xây dựng các dây chuyền sản xuất mang tầm cỡ quốc tế bằng cách áp dụng khoa học công nghệ cao và quy trình sản xuất, thiết bị hiện đại sẽ tạo ra sự thay đổi cơ bản trong hoạt động của công ty và đó là hướng đi mà Danapha đang thực hiện”

MỤC TIÊU ĐỊNH HƯỚNG, VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2017

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2017:

- Xu hướng M&A đang diễn ra mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp dược trong và ngoài nước, chủ yếu theo hình thức nhượng quyền và trong lĩnh vực phân phối.
- Năm 2017 thị trường dược phẩm VN dự báo tiếp tục sẽ tăng trưởng. Các chính sách về sử dụng thuốc nội tiếp tục được quan tâm.
- Sự cạnh tranh tiếp tục gia tăng với sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp cùng ngành.
- Với quy mô dân số lớn và một thị trường nhiều tiềm năng, ngành dược Việt Nam sẽ thu hút được nhiều quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài. Đây cũng là cơ hội nhưng cũng là thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp trong nước.

II. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2017:

- Căn cứ kết quả thực hiện năm 2016 và tình hình thực tế của thị trường cũng như thực tế SXKD của doanh nghiệp, Danapha tập trung phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm 2017 theo chỉ tiêu kế hoạch như sau:
- | | |
|-------------------------------------|---------------|
| + Doanh thu: | 660 tỷ đồng |
| + Lợi nhuận trước thuế (15, 5%/DT): | 102,3 tỷ đồng |

III. CÁC GIẢI PHÁP, HÀNH ĐỘNG CẦN TẬP TRUNG CHO NĂM 2017:

1. Đối với hoạt động sản xuất và kế hoạch sản xuất:

- Xây dựng nhà máy thuốc viên tại khu công nghệ cao tiêu chuẩn PIC/S.
- Doanh thu xuất khẩu tăng mạnh trong năm 2017. Phải tập trung toàn lực thực hiện thành công kế hoạch xuất khẩu đã được hai bên cam kết.
- Đảm bảo sản phẩm cho hệ thống kinh doanh.
- Duy trì thường xuyên và thực hiện thành công nội dung 5S tại các nhà máy.
- Đẩy mạnh năng lực sản xuất cho nhóm hàng xuất khẩu trong thời gian chờ các thiết bị đầu tư mới.

2. Đối với hoạt động kinh doanh:

- Đưa hai chi nhánh mới là chi nhánh Cần Thơ và Vĩnh Phúc đi vào hoạt động ổn định để bắt kịp đà tăng trưởng của công ty trong hoạt động kinh doanh và đảm bảo các chính sách của công ty tiếp cận sâu hơn đến khách hàng.
- Các Trưởng chi nhánh phải có giải pháp và kế hoạch hành động cụ thể đối với các chỉ tiêu được giao, chịu trách nhiệm cá nhân nếu không hoàn thành nhiệm vụ.
- Xây dựng giải pháp để gia tăng doanh số và giữ vững thị trường của các nhóm hàng chủ lực. Mở rộng nhóm hàng bao tiêu cho các đối tác phân phối uy tín.
- Xây dựng chiến lược để đưa nhóm hàng thực phẩm chức năng DanaphaLife vào thị trường thành công.
- Định hướng lại hoạt động của kênh bán hàng OTC vì phân khúc thị trường đã có nhiều thay đổi. Mục tiêu sẽ đưa tỷ lệ hai kênh OTC/ETC là ngang nhau. Sẽ xem xét M&A một số doanh nghiệp có hệ thống phân phối tốt trong thời gian đến.

- Duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu, đẩy nhanh công tác đăng ký sản phẩm để nhanh chóng đưa sản phẩm vào thị trường mới.
- Cập nhật thường xuyên các văn bản mới để tập trung cho công tác đấu thầu một cách hiệu quả nhất.

3. Nhóm giải pháp về nghiên cứu phát triển:

- Phối hợp và tham gia ngay từ đầu việc triển khai thiết kế và xây dựng quy trình sản xuất cho Nhà máy thuốc viên công nghệ cao sẽ được triển khai tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng.
- Xây dựng lại quy trình sản xuất các sản phẩm nhóm hàng xuất khẩu trên dây chuyền sản xuất mới.
- Tập trung nghiên cứu các dạng thuốc mới, nhất là nhóm tim mạch và tiểu đường, ưu tiên phát triển kỹ thuật dập thẳng.
- Nghiên cứu hiện đại hóa các bài thuốc y học cổ truyền, hoàn chỉnh dòng sản phẩm DanaphaLife để nhanh chóng đưa vào thị trường.
- Tiếp tục cải tiến chất lượng các sản phẩm có doanh thu tốt trên thị trường nhưng chưa ổn định về chất lượng.
- Tăng cường đào tạo và trang bị kiến thức chuyên môn cho nhân viên trung tâm, nâng cao vai trò của các nhóm trưởng.
- Tăng cường hợp tác với các Cơ quan nghiên cứu, Cục, Viện, Trường, Bảo hộ và giải pháp hữu ích.

4. Nhóm giải pháp về công tác chất lượng:

- Tập trung cho nội dung tái thẩm định GMP Nga vào tháng 4 năm 2017.
- Lập kế hoạch khắc phục các nội dung còn tồn tại để phục vụ tái thẩm định GMP-WHO nhà máy 1 vào tháng 7/2018.
- Nhanh chóng lập hồ sơ và các thủ tục liên quan để thẩm định đưa Tổng kho phía Nam đi vào hoạt động.
- Phối hợp, tham gia triển khai các dự án dây chuyền sản xuất nhóm hàng xuất khẩu, dự án tại khu công nghệ cao.
- Cải tạo nhà xưởng, đầu tư thiết bị để đảm bảo các khu vực sản xuất, các quy trình tuân thủ nguyên tắc GMP.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát trong quá trình sản xuất để hạn chế tối đa các sai sót, nhầm lẫn.
- Hoàn thiện việc đánh giá nhà cung ứng nguyên liệu, bao bì để chọn được những nhà cung ứng uy tín, đáp ứng được các quy định và nhu cầu SXKD của công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ vật tư, bao bì đầu vào, kiểm soát được tồn kho cũng như việc cấp phát bao bì.



Ths. Ds. Nguyễn Quang Trí
Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Danapha (DANAPHA) kính trình Hội đồng quản trị (HĐQT) dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2016 để trình Đại hội cổ đông thường niên 2017 với các nội dung sau:

I/ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Ban Kiểm soát DANAPHA nhiệm kỳ 2016 – 2021 được Đại hội đồng cổ đông bầu hợp lệ tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 5/5/2016 với 03 thành viên.
- Trong năm 2016, Ban Kiểm soát DANAPHA đã triển khai và nghiêm túc thực hiện việc giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và Ban quản lý theo đúng quy định pháp luật và điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- Chủ động lập kế hoạch kiểm soát và triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Ban được cung cấp thông tin, các quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016. Trưởng Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các buổi họp của HĐQT trong năm 2016.
- Lập báo cáo kiểm tra tình hình tài chính hàng quý, 6 tháng do Phòng Kế toán cung cấp, kiểm tra tính minh bạch thông tin trong các báo cáo này.
- Xem xét báo cáo tài chính năm 2016 do Phòng Kế toán cung cấp và báo cáo kiểm toán của Công ty Kiểm toán KPMG để lập báo cáo kiểm tra tình hình tài chính năm 2016.
- Kiểm tra giám sát hoạt động của các thành viên HĐQT cũng như Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu vì quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

II/ BÁO CÁO GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA DANAPHA:

A. BÁO CÁO VỀ KIỂM TRA TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2016:

1. Về kiểm tra tình hình tài chính của công ty:

- Tổng Tài sản của công ty tăng từ 471.901 tỷ đồng năm 2015 lên 634.118 tỷ đồng năm 2016 (tăng khoảng 162 tỷ đồng với mức tăng 34% so với năm trước), trong đó, mức tăng chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng 138.029 tỷ đồng (42,86%), Tài sản dài hạn tăng không đáng kể (3,8%).
- Đối với Tài sản ngắn hạn: Gia tăng chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn với mức tăng khoảng 43%, từ 322 tỷ đồng năm 2015 lên 460 tỷ đồng năm 2016. Điều này chịu ảnh hưởng chủ yếu từ khoản gia tăng của các khoản phải thu ngắn hạn, bao gồm cả phải thu của khách hàng cũng như các khoản phải thu ngắn hạn khác. Trong năm 2016, nhiều chính sách ưu đãi cho khách hàng đã được áp dụng nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng doanh thu của công ty, chính vì thế nên đã dẫn đến sự tăng mạnh của các khoản phải thu.
- Đối với tài sản dài hạn: Tài sản cố định của công ty không thay đổi trong khi sự gia tăng chủ yếu là chi phí xây dựng cơ bản dở dang, tăng từ 1,73 tỷ đồng năm 2015 lên gần 24 tỷ đồng trong năm 2016. Nguyên nhân chính là do trong năm công ty có nhiều hạng mục đầu tư xây dựng của công ty đang trong quá trình hoàn thiện.
- Đối với nợ ngắn hạn: So với năm 2015, nợ ngắn hạn năm 2016 của công ty tăng khoảng 44% (từ 212 tỷ đồng lên 307 tỷ đồng). Trong đó, vay và tài trợ ngắn hạn tăng hơn 55 tỷ đồng (tăng hơn 58% so với cùng kỳ năm ngoái). Nhìn chung công ty đã tận dụng được các khoản tài trợ để đáp ứng nhu cầu nguồn vốn cho hoạt động sản xuất.
- Đối với nợ ngắn hạn: Các khoản vay và tài trợ dài hạn cũng tăng nhiều trong năm 2016, từ khoảng 2 tỷ đồng lên khoảng 33 tỷ đồng. Mục đích chính của các khoản vay này là nhằm đảm bảo nguồn vốn xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, máy móc thiết bị cho sản xuất và kinh doanh của công ty.
- Đối với vốn chủ sở hữu: mặc dù năm 2016 công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phát hành cổ phiếu ra công chúng (phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo hình thức thực hiện quyền), nhưng đợt phát hành chưa kết thúc tại thời điểm 31/12/2016 nên vốn góp của cổ đông hiện hữu không thay đổi, vốn chủ sở hữu tăng chủ yếu do việc trích lập quỹ đầu tư phát triển tăng 35 tỷ đồng (44,83%).

2. Về Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty:

- Doanh thu năm 2016 của công ty so với năm 2015 tăng 118,78 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ tăng là 31,78%. Đây là mức tăng cao nhất so với mấy năm trở lại đây (năm 2015 tăng so với 2014 là 6,32%, năm 2014 tăng với năm 2013 là khoảng 10%). Điều này cho thấy những giải pháp của công ty nhằm tăng doanh thu trong nửa cuối năm 2016 đã phát huy hiệu quả cao.
- Các chi phí khác như chi phí lãi vay (tăng 42%) và chi phí quản lý doanh nghiệp (tăng 31%) là những yếu tố cần chú ý. 2 loại chi phí này có tốc độ tăng tương đương và cao hơn tốc độ tăng của doanh số. Bên cạnh việc chi phí lãi vay tăng do sự gia tăng các khoản vay như đã giải thích ở trên thì chi phí quản lý doanh nghiệp cần được lưu ý kiểm soát để có thể nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.
- Lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2016 tăng 42% so với năm 2015 (từ 44 tỷ đồng lên hơn 62 tỷ đồng). Điều này cho thấy không những công ty thành công trong nỗ lực nâng cao doanh thu mà còn thành công trong công tác quản lý giá vốn, chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Về báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thấy tiền và tương đương tiền năm 2016 tăng so với 2015 là 10,45 tỷ đồng (+21,7%), cụ thể:

- + Dòng tiền hoạt động kinh doanh giảm mạnh khoảng 13,36 tỷ đồng (-46,84%), chủ yếu là do biến động lớn trong các khoản phải thu và tài sản khác.
- + Dòng tiền đầu tư hầu như không có biến động nhiều (tăng khoảng 2% so với năm 2016). Trong kỳ, mặc dù dòng tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tăng khoảng 17,2 tỷ đồng nhưng công ty gia tăng chi đầu tư xây dựng cơ bản khiến cho dòng tiền của hoạt động chi mua tài sản cố định và đầu tư dài hạn tăng đi khoảng 14,55 tỷ đồng.
- + Dòng tiền từ hoạt động tài chính tăng mạnh khoảng 34,67 tỷ đồng tương đương với tăng 90,83% so với năm 2016, chủ yếu tăng do khoản thu từ nợ vay dài hạn đảm bảo cho nhu cầu đầu tư xây dựng cơ bản và nợ vay ngắn hạn đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

B. PHÂN TÍCH CÁC TỶ SỐ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

Bảng 1: Tổng hợp một số tỷ số tài chính của công ty năm 2016 so với năm 2015

CÁC TỶ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	2016	2015	TĂNG/ GIẢM	% THAY ĐỔI
Khả năng thanh toán hiện hành	LẦN	1,50	1,52	-0,02	-1,15
Khả năng thanh toán nhanh	LẦN	1,15	1,08	0,07	6,89
Khả năng thanh toán bằng tiền mặt	LẦN	0,19	0,23	-0,04	-15,80
Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu	%	115,64	83,18	32,46	39,02
Tỷ lệ nợ/ tổng nguồn vốn	%	53,63	45,41	8,22	18,10
Vòng quay hàng tồn kho	LẦN	4,94	4,42	0,52	11,77
Vòng quay các khoản phải thu	LẦN	2,21	2,78	-0,57	-20,50
Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	%	12,75	11,89	0,87	7,29
Tỷ suất lợi nhuận/tài sản (ROA)	%	9,86	9,33	0,53	5,66
Tỷ suất lợi nhuận/vốn CSH (ROE)	%	21,33	17,09	4,20	24,59
EPS	ĐỒNG	6.400	5.125	1.275	24,88

Nhận xét về tình hình tài chính của công ty thông qua các tỷ số tài chính:

* Các chỉ số thanh toán

- Tình hình thanh toán của công ty nhìn chung không có sự biến động lớn so với năm 2015, hệ số về khả năng thanh toán hiện hành giảm nhẹ và khả năng thanh toán nhanh tăng nhẹ, tuy nhiên khả năng thanh toán bằng tiền mặt giảm đi 15,80. Trong điều kiện công ty tăng mạnh các khoản vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh mà các hệ số thanh toán không biến động mạnh chứng tỏ công ty tiếp tục chủ động trong công tác quản lý tài chính của công ty.
- So sánh với một số công ty trong ngành, các chỉ số này của DANAPHA đều thấp hơn đa số các công ty khác. Tuy có thể đáp ứng được khá tốt các khoản nợ ngắn hạn (các hệ số thanh toán đều lớn hơn 1 nhưng công ty cần cải thiện các chỉ số này để có thể nâng cao được khả năng thanh toán của công ty hơn nữa).

* Cấu trúc tài chính

- Cấu trúc tài chính của công ty thay đổi theo chiều hướng tăng tỷ lệ nợ. Nếu sử dụng đúng hướng thì những điều này sẽ góp phần thúc đẩy lợi nhuận của công ty. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu và cơ cấu nợ trong nguồn vốn của công ty đều tăng so với năm 2015 (Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 83,18% lên 115,64% và tỷ lệ nợ trong nguồn vốn của công ty tăng từ 45,41% lên 53,63%). Trong đó, nợ dài hạn tăng nhiều trong năm 2016. Đây là điều cần thiết trong tình hình chung là công ty phải sử dụng nhiều hơn các khoản tài trợ dài hạn để có thể đáp ứng yêu cầu của các khoản đầu tư xây dựng; mua sắm máy móc, thiết bị mới.
- Các chỉ số nợ và đòn bẩy tài chính của công ty đều cao hơn so với chỉ số trung bình của ngành trong khi lãi suất thị trường ổn định ở mức thấp. Những điều này có thể sẽ góp phần vào việc gia tăng hiệu quả của công ty, khuếch đại ROE, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

* Các chỉ số hoạt động

- Chỉ số vòng quay các khoản phải thu của công ty giảm so với năm trước, từ 2,78 xuống 2,21, làm thời gian thu tiền bình quân tăng thêm hơn 1 tháng. Đây cũng là một yếu tố góp phần giải thích sự tăng lên của các khoản phải thu khách hàng trong năm 2016.
- So với các công ty khác thì chỉ số vòng quay các khoản phải thu của công ty khá thấp, thời gian thu tiền bình quân cũng cao hơn chỉ số trung bình của ngành (163 ngày so với trung bình 80 ngày). Điều này là do đặc thù tỷ lệ hàng xuất khẩu tăng cao và đây cũng là khoản doanh số có thời gian thu hồi vốn chậm.
- Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ so với năm 2015. Điều này cho thấy công ty đã cải thiện được quy trình nên hiệu quả sử dụng tài sản của công ty tăng lên. Thời gian lưu chuyển hàng tồn kho của công ty giảm xuống khoảng 10 ngày, còn 73 ngày. Tuy giá trị hàng tồn kho so với năm 2015 tăng khoảng 14% nhưng nhờ lưu chuyển nhanh hơn nên có thể thấy tình hình kinh doanh của công ty khá tốt.

- Chỉ số này của công ty xấp xỉ chỉ số chung của ngành trong năm 2016 (thời gian tồn kho bình quân của DANAPHA là khoảng 73 ngày còn trung bình là 76 ngày). Điều này cho thấy nếu có thể quản lý quy trình hiệu quả hơn thì công ty có nhiều cơ hội gia tăng doanh số, đảm bảo doanh thu của mình.
- Chỉ số vòng quay các khoản phải trả không khác nhiều so với năm 2015. Thời gian phải trả cho các nhà cung cấp cũng xấp xỉ năm 2015, khoảng 44 ngày. Điều này cho thấy công ty vẫn giữ được uy tín với các đối tác khá tốt.
- So sánh với mặt bằng chung của ngành thì thời gian phải trả bình quân của công ty vẫn hơi thấp (44 ngày so với 55 ngày) nhưng công ty sẽ giữ được mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp nguyên vật liệu cũng như nâng cao uy tín của mình.

*** Các chỉ số sinh lợi**

- Nhìn chung các chỉ số sinh lợi của công ty đều tăng so với năm 2015. Chỉ số ROE có mức tăng lớn nhất (khoảng 25%). Điều này cho thấy những cải thiện của công ty trong kiểm soát các chi phí như giá vốn hàng bán, lãi vay, chi phí quản lý doanh nghiệp để tối đa hóa doanh thu cũng như hiệu quả trong việc kiểm soát hiệu quả sử dụng nguồn vốn, tài sản và các đòn bẩy tài chính của công ty nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất cho công ty cũng như các cổ đông.
- So sánh với một số công ty trong ngành, các chỉ số sinh lợi năm 2016 của công ty đều cao trên mức trung bình ngành (như tỷ suất lợi nhuận gộp là 46% so với trung bình 37%, ROE là 21% so với trung bình ngành 18%). Nếu những cố gắng cải thiện doanh thu cũng như quản lý chi phí được áp dụng hiệu quả thì lợi nhuận của công ty sẽ tiếp tục tăng hơn nữa trong tương lai.
- Nhờ những yếu tố tác động có xu hướng tốt lên nên lợi nhuận sau thuế của công ty tăng khá nhiều. Điều này dẫn đến EPS của công ty cũng tăng hơn 24%.

Nhìn chung các tỷ số tài chính của công ty cho thấy tình hình tài chính khá ổn định cải thiện rất nhiều so với năm 2015, đặc biệt là hoạt động kinh doanh có xu hướng tăng mạnh, tỷ suất sinh lợi ROE và lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) đều tăng rất ấn tượng. Dưới đây là bảng so sánh các hệ số tài chính cơ bản của một số doanh nghiệp điển hình trong ngành Dược so với DANAPHA.

Bảng 2: Một số chỉ tiêu tài chính các doanh nghiệp ngành Dược năm 2016

CÁC TỶ SỐ TÀI CHÍNH	ĐV	DANAPHA	OPC	DHG	TRA	DMC	IMP	LDP	PPP	Trung bình
Chỉ số thanh toán										
Khả năng thanh toán hiện hành	LẦN	1,50	2,37	2,77	2,81	4,66	3,64	0,98	1,09	2,48
Khả năng thanh toán nhanh	LẦN	1,15	1,12	2,02	1,88	2,97	2,46	0,32	0,67	1,57
Khả năng thanh toán tiền mặt	LẦN	0,19	0,44	0,60	0,62	0,52	0,51	0,03	0,28	0,40
Chỉ số hoạt động										
Vòng quay các khoản phải thu	LẦN	2,21	7,21	5,68	5,87	4,17	3,02	8,56	6,60	5,41
Kỳ thu tiền trung bình	NGÀY	163	50	63	61	86	119	42	55	80
Vòng quay hàng tồn kho	LẦN	4,94	3,21	5,47	6,48	4,49	4,21	4,52	6,46	4,97
Thời gian tồn kho bình quân	NGÀY	73	112	66	56	80	86	80	56	76
Vòng quay các khoản phải trả	LẦN	8,17	11,18	7,11	7,65	8,22	6,85	3,51	5,31	7,25
Thời gian phải trả trung bình	NGÀY	44	32	51	47	44	53	103	68	55
Cơ cấu tài chính										
Tỷ lệ nợ/ tổng nguồn vốn	%	53,63	29,74	26,72	25,25	16,66	19,01	65,71	43,87	35,07
Tỷ lệ nợ dài hạn/ tổng tài sản	%	5,19	0,83	1,46	1,12	0,06	1,89	4,60	5,58	2,59
Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu	%	116,1	42,32	36,47	33,78	19,99	23,47	191,6	78,17	67,73
Hệ số tự tài trợ	%	46,21	70,26	73,28	74,75	83,34	80,99	34,29	56,13	64,91
Chỉ số sinh lời										
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	46,00	44,18	45,58	49,76	38,65	40,09	15,42	19,40	37,39
Tỷ suất lợi nhuận ròng	%	12,75	9,93	18,77	10,54	13,09	10,00	3,86	6,23	10,65
Tỷ suất LN/tài sản (ROA)	%	9,86	10,13	17,98	15,51	15,89	8,74	7,06	5,72	11,36
Tỷ suất LN/vốn CSH (ROE)	%	21,33	14,41	24,53	20,76	19,07	10,79	20,58	10,19	17,71

* Tỷ lệ tài chính trung bình ngành được tính bình quân từ 07 công ty dược phẩm trong ngành bao gồm Dược Hậu Giang, Dược Domesco, Dược Traphaco, Dược Lâm Đồng, Dược Imexpham, Dược OPC, Dược Phong Phú, (các công ty đều được niêm yết trên sàn) và Dược Danapha.

Qua bảng so sánh trên, có thể nhận thấy do công ty đang trong giai đoạn bứt phá, tăng cường vay các nguồn lực tài chính, đẩy nhanh các giải pháp gia tăng doanh thu nên một số chỉ tiêu về hệ số thanh toán thấp hơn trung bình ngành, vòng quay các khoản phải thu ngắn hơn và kỳ thu tiền bình quân dài hơn so với trung bình ngành, hệ số tự tài trợ thấp trong khi các tỷ lệ nợ đều cao so với trung bình ngành. Những điều này có thể là những rủi ro cho công ty trong vấn đề quản trị tài chính,

quản trị rủi ro, nhưng đây cũng chính là cơ hội của công ty cần phải tận dụng để đạt được hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh. Đáng chú ý là đa số các chỉ số sinh lời của công ty cao hơn trung bình ngành một cách ấn tượng. Điều này chứng tỏ DANAPHA là một trong những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả nhất trong ngành Dược phẩm tính theo các chỉ số sinh lời. Tỷ suất lợi nhuận gộp của công ty chỉ xếp sau Dược Traphaco (TRA), tỷ suất lợi nhuận ròng xếp sau Dược Hậu Giang (DHG) và Dược Domesco (DMC), chỉ số ROE chỉ xếp sau và bám sát Dược Hậu Giang.

III. CÁC NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo hình thức thực hiện quyền đã kết thúc vào tháng 2/2017, vốn cổ phần của công ty tăng lên tạo áp lực làm giảm EPS và tỷ đồng suất sinh lợi trên vốn cổ phần trong những năm tới. Năm 2017, với các kế hoạch đầu tư mới, có thể trước mắt các chỉ tiêu tài chính của DANAPHA sẽ kém hơn so với năm 2016 nhưng đây là bước đi tất yếu cho sự phát triển bền vững của DANAPHA trong tương lai.
- Công ty lưu ý tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro trong quản trị công nợ đối với khách hàng đảm bảo gia tăng về doanh số nhưng an toàn trong công tác thu nợ của khách hàng, tránh gây rủi ro thanh toán cho công ty.
- Hiện tại, Công ty đã trở thành công ty đại chúng quy mô lớn. Công ty cần lưu ý việc công bố thông tin, lưu ký cổ phiếu theo đúng quy định hiện hành.
- Hội đồng quản trị công ty lưu ý khuyến nghị của UBCKNN đối với thành viên Ban kiểm soát (là người có liên quan đến thành viên HĐQT), kính đề nghị HĐQT có hướng trình Đại hội cổ đông để đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm gia tăng doanh thu, thị phần, kiểm soát chi phí như đã áp dụng trong năm 2016, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và giữ vững hiệu quả kinh doanh trong những năm tới.

*** KẾT LUẬN:**

Hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty nhìn chung có nhiều chuyển biến tích cực, hiệu quả hơn so với những năm trước và có nhiều nét tích cực hơn so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể CBCNV Danapha cần duy trì các giải pháp thực hiện, phát huy lợi thế sẵn có, đầu tư phát triển theo hướng hiện đại hóa, áp dụng công nghệ cao để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tiếp tục đạt được hiệu quả cao trong những năm tới.

Kính chúc Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhiều sức khỏe và thành công.

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 03 năm 2017



TM. Ban kiểm soát
Trưởng Ban
TS. Nguyễn Hoàng Giang





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số

3203001246	ngày 20 tháng 12 năm 2006
0400102091	ngày 14 tháng 9 năm 2010
0400102091	ngày 17 tháng 5 năm 2011
0400102091	ngày 6 tháng 11 năm 2013
0400102091	ngày 8 tháng 5 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số

0400102091	ngày 25 tháng 8 năm 2015
------------	--------------------------

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400102091 ngày 25 tháng 8 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các bản điều chỉnh, bao gồm Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Trị	Chủ tịch
Ông Mai Đăng Đầu	Thành viên
Ông Phạm Khắc Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên Hoa	Thành viên (từ ngày 5 tháng 5 năm 2016)
Ông Lại Tiến Mạnh	Thành viên (từ ngày 5 tháng 5 năm 2016)
Ông Nguyễn Đức Sơn	Thành viên (từ ngày 5 tháng 5 năm 2016)
Ông Trương Công Trị	Thành viên (từ ngày 5 tháng 5 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Trị	Tổng Giám đốc
Ông Mai Đăng Đầu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 5 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 5 tháng 5 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Quận Thanh Khê
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

a. Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 72 đến trang 93 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

b. Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



KPMG Limited: 10th floor, Sun Wah Tower,
115 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam
Tel: +84 (8) 3821 9266 / Fax: +84 (8) 3821 9267
Web: www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.



Trương Vĩnh Phúc
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc
TP.HCM, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Báo cáo kiểm toán số: 16-01-456

Phạm Huy Cường
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2014-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn				
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		453.539.467.112	322.010.141.195
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	58.607.172.757	48.156.130.533
Tiền	111		28.607.172.757	31.156.130.533
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	17.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	20.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	20.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		282.274.861.379	154.414.516.563
Phải thu khách hàng	131	6	255.452.359.793	143.327.766.064
Trả trước cho người bán	132		31.522.680.312	11.597.600.557
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.377.257.700	1.170.809.659
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(6.077.436.426)	(1.681.659.717)
Hàng tồn kho	140	9	105.865.575.682	92.760.889.817
Hàng tồn kho	141		107.754.471.039	94.139.134.476
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.888.895.357)	(1.378.244.659)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.791.857.294	6.678.604.282
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.435.695.459	6.678.604.282
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		356.161.835	-
Tài sản dài hạn	200		180.578.339.210	149.890.860.228
(200 = 210+220+240+250+260)				
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.500.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		6.500.000.000	-
Tài sản cố định	220		117.802.101.009	117.983.031.725
Tài sản cố định hữu hình	221	10	75.764.849.476	75.945.780.192
<i>Nguyên giá</i>	222		206.507.953.155	191.958.122.796
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(130.743.103.679)	(116.012.342.604)
Tài sản cố định vô hình	227	11	42.037.251.533	42.037.251.533
<i>Nguyên giá</i>	228		42.037.251.533	42.037.251.533
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		23.916.227.781	1.730.429.443
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	23.916.227.781	1.730.429.443
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	16.243.750.260	12.868.750.260
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		8.820.000.000	8.820.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.375.000.000	5.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(951.249.740)	(951.249.740)
Tài sản dài hạn khác	260		16.116.260.160	17.308.648.800
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	16.116.260.160	17.308.648.800
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		634.117.806.322	471.901.001.423

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		341.154.021.309	214.282.665.076
Nợ ngắn hạn	310		314.865.749.178	213.000.231.645
Phải trả người bán	311	15	32.397.238.866	24.922.324.168
Người mua trả tiền trước	312		10.266.677.153	7.213.839
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.082.535.991	2.795.016.539
Phải trả người lao động	314		23.879.286.615	14.771.679.124
Chi phí phải trả	315	17	12.265.860.151	4.081.656.854
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	68.926.929.155	63.603.160.022
Vay ngắn hạn	320	19(a)	157.834.338.298	95.853.923.869
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	8.212.882.949	6.965.257.230
Nợ dài hạn	330		26.288.272.131	1.282.433.431
Vay dài hạn	338	19(b)	26.288.272.131	1.282.433.431
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		292.963.785.013	257.618.336.347
Vốn chủ sở hữu	410	21	291.954.353.632	256.953.184.040
Vốn cổ phần	411	22	97.650.000.000	97.650.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		97.650.000.000	97.650.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		81.232.500.000	81.232.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	113.071.853.632	78.070.684.040
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430	21	1.009.431.381	665.152.307
Nguồn kinh phí	431		806.270.600	415.118.890
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		203.160.781	250.033.417
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		634.117.806.322	471.901.001.423

Ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng Phòng Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trí
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
DOANH THU BÁN HÀNG	01	26	492.582.209.818	373.801.840.342
CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	02	26	2.428.986.175	3.416.128.388
DOANH THU THUẦN (10 = 01 - 02)	10	26	490.153.223.643	370.385.711.954
GIÁ VỐN HÀNG BÁN	11	27	264.683.717.369	198.772.919.064
LỢI NHUẬN GỘP (20 = 10 - 11)	20		225.469.506.274	171.612.792.890
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	4.599.475.410	4.190.980.515
Chi phí tài chính	22	29	10.812.971.498	8.527.261.639
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.534.646.168	8.355.913.550
Chi phí bán hàng	25	30	91.850.974.656	72.099.536.664
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	52.519.474.582	40.200.967.008
LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		74.885.560.948	54.976.008.094
Thu nhập khác	31		580.026.716	30.000.000
Chi phí khác	32		116.948.403	57.381.356
LỢI NHUẬN/ (LỖ) KHÁC				
(50 = 30 + 40)	40		(463.078.313)	(27.381.356)
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ				
(50 = 30 + 40)	50		75.348.639.261	54.948.626.738
CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	51	33	12.846.550.704	10.925.982.975
LỢI NHUẬN THUẦN SAU THUẾ TNDN				
(60 = 50 - 51)	60		62.502.088.557	44.022.643.763
LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU	70	34	5.584	4.273

Ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập:

Người duyệt:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng Phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	01	75.348.639.261	54.948.626.738
ĐIỀU CHỈNH CHO CÁC KHOẢN			
Khấu hao và phân bổ	02	15.655.241.135	15.655.241.135
Các khoản dự phòng	03	(355.612.997)	(355.612.997)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.999.955.426)	(1.951.267.754)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.563.637.535)	(1.836.206.964)
Chi phí lãi vay	06	10.534.646.168	8.355.913.550
LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỐN LƯU ĐỘNG	08	104.745.299.671	74.816.693.708
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(130.699.360.209)	(44.554.814.366)
Biến động hàng tồn kho	10	(14.430.654.086)	(16.902.961.850)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	34.605.503.217	(2.803.309.180)
Biến động chi phí trả trước	12	1.192.388.640	(17.308.648.800)
		(4.586.822.767)	(6.753.040.488)
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.863.468.824)	(9.356.004.136)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14.550.000.000	(9.384.066.490)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	850.000.000	1.682.961.869
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.729.014.172)	(4.710.015.536)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	20	(41.879.305.763)	(28.520.164.781)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(39.743.358.563)	(25.193.918.414)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	550.000.000	30.000.000
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	20.000.000.000	2.794.016.667
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.375.000.000)	
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	2.048.266.203	1.806.206.964
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	30	(20.520.092.360)	(20.563.694.783)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	58.782.500.000
Tiền thu từ đi vay	33	239.300.182.731	143.461.505.198
Tiền trả nợ gốc vay	34	(152.313.929.602)	(139.856.537.570)
Tiền chi trả cổ tức	36	(14.132.460.000)	(24.210.208.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	40	72.853.793.129	38.177.259.628
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(10.454.395.006)	(10.906.599.936)
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	48.156.130.533	58.411.900.766
ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ QUY ĐỔI NGOẠI TỆ	61	(3.352.782)	650.829.703
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61) (THUYẾT MINH 5)	70	58.607.172.757	48.156.130.533

Ngày 06 tháng 03 năm 2017
Người lập:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng Phòng Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

a. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Danapha ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 từ việc cổ phần hóa Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 5.

b. Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc.

c. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

d. Cấu trúc công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 427 nhân viên (1/1/2016: 398 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

a. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

b. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

c. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

d. Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

a. Các giao dịch bằng ngoại tệ và trình bày báo cáo tài chính

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được lần lượt quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

b. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

c. Các khoản đầu tư

i. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

ii. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

iii. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

d. Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

e. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

f. Tài sản cố định hữu hình

i. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

ii. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa	5 – 25 năm
• máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
• phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm

g. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai (2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

h. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

i. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

j. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

k. Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

l. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

m. Vốn cổ phần

i. Cổ phiếu phổ thông

Vốn cổ phần được trình bày theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

ii. Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

n. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối mỗi năm dựa trên tỷ lệ phần trăm được các cổ đông quyết định tại đại hội cổ đông thường niên.

o. Doanh thu và thu nhập khác

i. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

ii. Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

iii. Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

p. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

q. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

r. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

s. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý (Việt Nam và nước ngoài).

t. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng cộng	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	356.263.410.043	296.428.334.097	136.318.799.775	77.373.506.245	492.582.209.818	373.801.840.342
Chi tiêu vốn	34.669.188.258	20.713.966.414	5.074.170.305	4.479.952.000	39.743.358.563	25.193.918.414
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản của bộ phận	634.117.806.322	471.901.001.423	-	-	634.117.806.322	471.901.001.423

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	1.454.606.733	823.239.093
Tiền gửi ngân hàng	27.152.566.024	30.332.891.440
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	17.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	58.607.172.757	48.156.130.533

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG – NGẮN HẠN

a. Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Danson – BG EOOD	125.840.992.183	46.934.003.893
Công ty TNHH Dược Kim Đô	20.502.703.165	15.708.102.142
Các khách hàng khác	109.108.664.445	80.685.660.029
	255.452.359.793	143.327.766.064

b. Phải thu khách hàng là bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng	3.669.317.735	1.984.687.345
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome	104.791.238	10

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tạm ứng	981.001.693	529.912.976
Ký quỹ ngắn hạn	145.140.407	204.211.400
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	251.115.600	436.685.283
	1.377.257.700	1.170.809.659

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	1/1/2016		31/12/2016	
	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Danson - BG EOOD	-	-	10.260.332.620	7.466.720.211
Công ty TNHH Dược phẩm Bái Tử Long	-	(357.862.737)	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hưng Yên – Chi nhánh Khoái Châu	-	(148.985.733)	148.985.733	-
Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang	-	(136.922.982)	136.922.982	-
Các khách hàng khác	2.014.331.111	(1.037.888.265)	18.666.103.745	15.868.188.443
	2.014.331.111	(1.681.659.717)	(6.077.436.426)	23.334.908.654
		3.082.630.297		29.412.345.080



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	62.941.153.453	(725.580.393)	55.326.463.886	(734.449.253)
Công cụ và dụng cụ	60.176.847	-	124.668.297	-
Sản phẩm dở dang	7.182.164.119	-	6.618.631.909	-
Thành phẩm	36.917.615.417	(1.163.314.964)	31.680.270.379	(643.795.406)
Hàng hóa	653.361.203	-	389.100.005	-
	107.754.471.039	(1.888.895.357)	94.139.134.476	(1.378.244.659)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 1.889 triệu VND (1/1/2016: 1.378 triệu VND) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
SỐ DƯ ĐẦU NĂM	1.378.244.659	2.751.641.842
Tăng dự phòng trong năm	1.325.968.221	-
Hoàn nhập trong năm	-	(864.374.190)
Sử dụng dự phòng trong năm	(815.317.523)	(509.022.993)
	1.888.895.357	1.378.244.659

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	72.586.327.980	112.198.025.519	7.173.769.297	191.958.122.796
Tăng trong năm	1.062.116.072	8.556.281.074	3.818.754.545	13.437.151.691
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.120.408.534	-	-	4.120.408.534
Thanh lý	-	(2.125.528.139)	(882.201.727)	(3.007.729.866)
Số dư cuối năm	77.768.852.586	118.628.778.454	10.110.322.115	206.507.953.155
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	36.967.358.740	73.836.000.705	5.208.983.159	116.012.342.604
Khấu hao trong năm	4.374.027.157	12.298.180.526	1.031.654.590	17.703.862.273
Thanh lý	-	(2.090.899.471)	(882.201.727)	(2.973.101.198)
Số dư cuối năm	41.341.385.897	84.043.281.760	5.358.436.022	130.743.103.679
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	35.618.969.240	38.362.024.814	1.964.786.138	75.945.780.192
Số dư cuối năm	36.427.466.689	34.585.496.694	4.751.886.093	75.764.849.476

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 73.795 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 51.161 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 11.554 triệu VND (1/1/2016: 18.283 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(a)).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	42.037.251.533
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	42.037.251.533

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	1.730.429.443	-
Tăng trong năm	26.306.206.872	1.730.429.443
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.120.408.534)	-
Số dư cuối năm	23.916.227.781	1.730.429.443

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phí khảo sát địa chất và lắp đặt ban đầu cho nhà máy mới tại Khu Công nghiệp Tân Tạo - Thành phố Hồ Chí Minh	22.918.456.872	1.730.429.443
Các công trình khác	997.770.909	-
	23.916.227.781	1.730.429.443

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 22.918 triệu VND (1/1/2016: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 19(b)).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 656 triệu VND (2015: Không).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	31/12/2016				1/1/2016					
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
					VND	VND	VND	VND	VND	VND
ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO: CÔNG TY LIÊN KẾT										
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome (*)	Đà Nẵng, Việt Nam	882.000	49%	49%	8.820.000.000	(951.249.740)	(**) 8.820.000.000	8.820.000.000	(951.249.740)	(**) 8.820.000.000
ĐƠN VỊ KHÁC										
Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng	Đà Nẵng, Việt Nam	630.000	7%	7%	6.800.000.000	-	(**) 6.800.000.000	5.000.000.000	-	(**) 5.000.000.000
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty cổ phần	Đà Nẵng, Việt Nam	100.000	0.04%	0.04%	1.575.000.000	-	(**) 1.575.000.000	-	-	-
					17.195.000.000	(951.249.740)	(**)	13.820.000.000	(951.249.740)	(**)

(*) Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome được thành lập theo giấy Chứng nhận Đầu tư số 321032000092 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2009. Hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh các loại hóa, dược, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; nghiên cứu và phát triển khoa học ứng dụng cho dược phẩm.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí đất trả trước	Chi phí quảng cáo	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	16.596.148.800	712.500.000	17.308.648.800
Phân bổ trong năm	(479.888.640)	(712.500.000)	(1.192.388.640)
	16.116.260.160	-	16.116.260.160

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN – NGẮN HẠN

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Quảng cáo và Sản xuất Bao bì An Đức	7.573.905.984	7.573.905.984	5.552.027.660	5.552.027.660
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Hưng Thịnh	5.204.320.000	5.204.320.000	2.800.620.504	2.800.620.504
Công ty TNHH Aceto Pte	1.157.478.000	1.157.478.000	3.884.475.980	3.884.475.980
Các nhà cung cấp khác	18.461.534.882	18.461.534.882	12.685.200.024	12.685.200.024
	32.397.238.866	32.397.238.866	24.922.324.168	24.922.324.168

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã căn trừ/dã nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.270.156.785	12.846.550.704	(14.550.000.000)	566.707.489
Thuế thu nhập cá nhân	524.859.754	3.998.088.940	(4.007.120.192)	515.828.502
Thuế giá trị gia tăng	-	24.122.817.957	(24.122.817.957)	-
	2.795.016.539	40.967.457.601	(42.679.938.149)	1.082.535.991

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Hoa hồng cho đại lý	11.186.354.134	3.741.401.091
Phí dịch vụ chuyên môn	204.436.546	136.363.636
Chi phí lãi vay	875.069.471	203.892.127
	12.265.860.151	4.081.656.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tạm ứng từ một cổ đông cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức phải trả	18.806.565.000	13.409.025.000
Kinh phí công đoàn	98.009.600	75.744.748
Bảo hiểm xã hội	-	97.781.111
Phải trả khác	22.354.555	20.609.163
	68.926.929.155	63.603.160.022

(*) Khoản tạm ứng từ một cổ đông cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh liên quan đến việc sản xuất dược phẩm. Khoản tạm ứng này chịu chi phí được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh trong năm.

19. CÁC KHOẢN VAY

a. Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	95.366.784.441	95.366.784.441	206.391.910.600	150.544.356.743	151.214.338.298	151.214.338.298
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	487.139.428	487.139.428	6.620.000.000	487.139.428	6.620.000.000	6.620.000.000
	95.853.923.869	95.853.923.869	213.011.910.600	151.031.496.171	157.834.338.298	157.834.338.298

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016	1/1/2016
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Hội sở	VND	5,3% - 7,6%	52.108.504.315	37.769.709.136
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Hội sở	VND	5,3% - 7,3%	99.105.833.983	50.732.017.955
Quỹ Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp	VND	5,0%	-	6.865.057.350
			151.214.338.298	95.366.784.441

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 11.554 triệu VND (1/1/2016: 18.283 triệu VND) (Thuyết minh 10).

b. Vay dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	32.908.272.131	1.769.572.859
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.620.000.000)	(487.139.428)
	26.288.272.131	1.282.433.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2016	1/1/2016
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Hội sở (*)	VND	9,5%	2019	-	1.769.572.859
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở (**)	VND	7,23%-7,5%	2022	32.908.272.131	-
				32.908.272.131	1.769.572.859

(*) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 là 2.221 triệu VND (Thuyết minh 10).

(**) Khoản vay này được đảm bảo bằng xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 22.918 triệu VND (1/1/2016: Không) (Thuyết minh 12).

20. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	6.965.257.230	3.634.675.653
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	7.970.918.965	7.323.830.530
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	(6.723.293.246)	(3.993.248.953)
	8.212.882.949	6.965.257.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
SỐ DƯ TẠI NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2015	62.000.000.000	58.100.000.000	60.901.870.807	60.901.870.807	-	181.001.870.807	(301.042.979)	180.700.827.828	180.700.827.828	180.700.827.828	180.700.827.828
Phát hành cổ phiếu	35.650.000.000	23.132.500.000	-	-	-	58.782.500.000	-	58.782.500.000	-	58.782.500.000	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	44.022.643.763	44.022.643.763	44.022.643.763	-	44.022.643.763	-	44.022.643.763	-
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	17.168.813.233	(17.168.813.233)	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(7.323.830.530)	(7.323.830.530)	(7.323.830.530)	-	(7.323.830.530)	-	(7.323.830.530)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(19.530.000.000)	(19.530.000.000)	(19.530.000.000)	-	(19.530.000.000)	-	(19.530.000.000)	-
Tặng quỹ	-	-	-	-	-	-	1.682.961.869	1.682.961.869	-	1.682.961.869	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(716.766.583)	(716.766.583)	-	(716.766.583)	-
SỐ DƯ TẠI NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2016	97.650.000.000	81.232.500.000	78.070.684.040	78.070.684.040	256.953.184.040	291.954.353.632	1.009.431.381	292.963.785.013	292.963.785.013	292.963.785.013	292.963.785.013
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	62.502.088.557	62.502.088.557	62.502.088.557	-	62.502.088.557	-	62.502.088.557	-
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	35.001.169.592	(35.001.169.592)	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	-	-	-	(7.970.918.965)	(7.970.918.965)	(7.970.918.965)	-	(7.970.918.965)	-	(7.970.918.965)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(19.530.000.000)	(19.530.000.000)	(19.530.000.000)	-	(19.530.000.000)	-	(19.530.000.000)	-
Tặng quỹ	-	-	-	-	-	-	850.000.000	850.000.000	-	850.000.000	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(505.720.926)	(505.720.926)	-	(505.720.926)	-
SỐ DƯ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016	97.650.000.000	81.232.500.000	113.071.853.632	113.071.853.632	291.954.353.632	291.954.353.632	1.009.431.381	292.963.785.013	292.963.785.013	292.963.785.013	292.963.785.013

(i) Việc phân bổ tạm vào các quỹ này được thực hiện theo tờ trình ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ban Tổng Giám đốc Công ty và sẽ được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông trong năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
VỐN CỔ PHẦN ĐƯỢC DUYỆT	9.765.000	97.650.000.000	9.765.000	97.650.000.000
VỐN CỔ PHẦN ĐÃ PHÁT HÀNH				
Cổ phiếu phổ thông	9.765.000	97.650.000.000	9.765.000	97.650.000.000
SỐ CỔ PHIẾU HIỆN ĐANG LƯU HÀNH				
Cổ phiếu phổ thông	9.765.000	97.650.000.000	9.765.000	97.650.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Tại ngày báo cáo, các cổ đông của Công ty như sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM	2.916.125	29,86%	2.916.125	29,86%
Ông Nguyễn Quốc Thắng	2.672.570	27,37%	4.072.570	41,71%
Các cổ đông khác	4.176.305	42,77%	2.776.305	28,43%
	9.765.000	100,00%	9.765.000	100,00%

23. CỔ TỨC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Công ty tạm trích khoản cổ tức 19.530 triệu VND tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu căn cứ theo Nghị quyết số 25/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5 tháng 5 năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty (2015: 19.530 triệu VND tương đương 2.000 trên một cổ phiếu).

24. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a. Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	VND	VND	VND	VND
Trong vòng một năm	1.176.209.405	1.452.762.830		
Trong vòng hai đến năm năm	3.414.608.879	3.515.862.378		
Sau năm năm	3.947.215.325	4.130.965.732		
	8.538.033.609	9.099.590.940		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b. Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	431.491	9.788.026.519	632.022	14.179.888.047

c. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	23.918.349.240	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	46.893.287.400	81.354.000.000
	70.811.636.640	81.354.000.000

26. DOANH THU BÁN HÀNG

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
TỔNG DOANH THU		
Bán hàng	492.582.209.818	373.801.840.342
TRỪ ĐI CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
Hàng bán bị trả lại	(2.428.986.175)	(3.400.191.773)
Giảm giá hàng bán	-	(15.936.615)
	(2.428.986.175)	(3.416.128.388)
DOANH THU THUẦN	490.153.223.643	370.385.711.954

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016 VND	2015 VND
GIÁ VỐN HÀNG BÁN BAO GỒM:		
Thành phẩm đã bán	263.198.621.865	199.295.557.475
Hàng hóa đã bán	159.127.283	341.735.779
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	1.325.968.221	(864.374.190)
	264.683.717.369	198.772.919.064

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.048.266.203	1.158.206.964
Thu nhập từ cổ tức	-	648.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	551.253.781	433.505.797
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.999.955.426	1.951.267.754
	4.599.475.410	4.190.980.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	10.534.646.168	8.355.913.550
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	278.325.330	171.348.089
	10.812.971.498	8.527.261.639

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	28.558.662.223	22.367.662.086
Chi phí vật liệu	2.056.730.296	1.733.965.429
Công cụ và dụng cụ	27.873.398	29.902.433
Chi phí khấu hao	942.739.806	545.338.526
Phí bảo lãnh ngân hàng	688.140.887	485.485.235
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	4.754.413.438	4.183.251.780
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	12.347.627.953	12.230.367.115
Phí hoa hồng	38.156.657.259	26.832.331.124
Chi phí khác	4.318.129.396	3.691.232.936
	91.850.974.656	72.099.536.664

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	28.979.711.542	20.608.398.678
Chi phí vật liệu	4.905.890.990	3.115.551.128
Công cụ và dụng cụ	62.437.095	82.271.821
Chi phí khấu hao	5.130.940.900	4.077.277.144
Phí ngân hàng	233.530.802	594.669.994
Dịch vụ mua ngoài	5.466.830.311	5.159.607.589
Chi phí khác	7.740.132.942	6.563.190.654
	52.519.474.582	40.200.967.008

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	272.465.971.536	222.324.145.378
Chi phí nhân công và nhân viên	78.107.677.793	58.818.882.254
Chi phí khấu hao và phân bổ	17.703.862.273	15.655.241.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.837.250.137	17.629.375.393
Chi phí khác	78.564.860.522	64.072.306.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

a. Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016 VND	2015 VND
CHI PHÍ THUẾ HIỆN HÀNH		
Năm hiện hành	12.846.550.704	10.891.916.485
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	34.066.490
	12.846.550.704	10.925.982.975

b. Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	75.348.639.261	54.948.626.738
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.809.268.674	10.989.725.348
Chi phí không được khấu trừ thuế	23.389.681	31.791.137
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	13.892.349	-
Thu nhập được miễn thuế	-	(129.600.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	34.066.490
	12.846.550.704	10.925.982.975

c. Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 20% và xuống 17% trong năm 2016.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015 và 20% từ năm 2016.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 54.531 triệu VND (2015: 36.699 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 9.765.000 (2015: 8.588.874), chi tiết như sau:

i. Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	62.502.088.557	44.022.643.763
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	(7.970.918.965)	(7.323.830.530)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	54.531.169.592	36.698.813.233

ii. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	9.765.000	6.200.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	2.388.874
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	9.765.000	8.588.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM – CỔ ĐÔNG LỚN		
Chia cổ tức	5.832.250.000	5.832.250.000
Chi phí phải trả cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	2.985.931.507	3.261.677.095
Mua cổ phần	1.575.000.000	-
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG		
Bán hàng hóa	8.047.645.648	6.126.794.185
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA – NANOSOME		
Bán hàng hóa	95.264.752	113.827.520
THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT		
Lương và thù lao	4.947.090.276	2.591.976.133

Ngày 06 tháng 03 năm 2017

Người lập:

Người duyệt:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng Phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc



Chăm sóc sức khỏe bằng **Được liệu quý và Công nghệ Nano**



2016 BUSINESS PERFORMANCE REPORT

2016 OVERVIEW

I. DANAPHA'S CURRENT OWNERSHIP STRUCTURE:

- Charter capital: VND 97.65 billion, divided into 9,765,000 shares. Of which:
 - + Vietnam Pharmaceutical Corporation owns 2,916,125 shares, equivalent to 29.86%;
 - + Private shareholders own 5,577,360 shares, equivalent to 57.12%;
 - + Danapha's shareholders own 1,271,515 shares, equivalent to 13.02%.

II. OVERVIEW:

- Pharmaceutical market in 2016 was not highly fluctuated. Market supply and drug prices remained stable.
- In the coming period, Vietnam's pharmaceutical industry is expected to maintain double-digit growth as compared to the current value growth.
- The average pharmaceutical spending per capita in Vietnam continues to rise and is expected to increase because of the expansion of the national medical insurance system.
- * **At Danapha:**
 - Production remained stable and increased dramatically.
 - Many large projects have been implemented, paving the way for Danapha's sustainable and radical growth in the future.

- Significant investment was made on equipment to gradually automate and expand the production.
- Employees' work and life are always highly prioritized. Average employees' income in 2016 was VND 15.5 million per month.
- * **However:**
 - The stronger presence of foreign-invested pharmaceutical enterprises in the domestic market has created many challenges for domestic pharmaceutical companies who only focus on producing simple formulated medicines and generic medicines.
 - The competition becomes fiercer as other pharmaceutical enterprises are making more and more comprehensive investment.
 - Domestic pharmaceutical companies' sales accounted for about half of Vietnam's total medicine needs, but over 70% of the market value came from import.
 - Many campaigns on supporting domestic pharmaceutical products have been carried out, but there is still a big gap in using domestic drugs in the hospital system.
 - Oriental medicines, our strength, faced cut-throat competition as the number of GMP-certified manufacturers for oriental medicines is increasing.

DEPARTMENTS' PERFORMANCE

I. PERFORMANCE OF BUSINESS DIVISIONS AND IMPORT-EXPORT:

Unit: million VND

Indexes	2016 plan	2016 actual	Actual/plan (%)	Actual 2016/2015 (%)
Revenue	500,000	490,15	98.03	132.33
Profit before tax	72,500	75,349	103.93	137.13

- Of which:
- Revenue from branches: VND 304.11 billion (83.3% of plan). In particular:
 - + HCMC Branch: VND 90.45 billion (75.4% of plan)
 - + Hanoi Branch: VND 81.62 billion (81.6% of plan)
 - + Sales Department: VND 55.20 billion (100.4% of plan)
 - + Thanh Hoa Branch: VND 46.81 billion (85.1% of plan)
 - + Khanh Hoa Branch: VND 30.03 billion (85.8% of plan)
- Revenue from underwriting: VND 49.69 billion (124.2% of plan)
- Revenue from export: VND 136.32 billion (136.3% of plan)
- Other income: VND 0.03 billion

* General evaluation:

- 2016 revenue was behind the target, which needs to be seriously considered to ensure the achievement of the future growth target and to fulfill the company's long-term strategies. Beside the fact that the company's key products are facing fierce competition in the market, the business system's capabilities have not been optimized. With series of project to be implemented next year, it will be hard to successfully attain the company's key targets unless positive changes are made. We hope that the establishment of new branches and the adjustments in the business activities next year will bring about robust growth to fulfill the year-end target. Otherwise, necessary changes need to be implemented.
- We highly appreciate the great efforts of the Investment – Export & Import Department and the Sales Department which yielded encouraging revenue and growth.

II. ACTUAL PRODUCTION VERSES PLAN:

- Actual production verses plan: Production Line No. 1 fulfilled 90% of the plan and Production Line No. 2 completed 83% of the plan. Factory No. 2 achieved 92% of the plan for herbal capsules and 97% of the plan for poultices and powders.
- Conducted supply activities and coordinated the production plan in a timely manner to continuously maintain the operation and mutual support of both factories, especially to meet the demands of the domestic market during the final months of the year when the export plan soars.
- The Production Plan Department proactively prepared materials in the long run for strategic products with stable consumption in order to ensure timely supply to the market.

III. RESEARCH AND DEVELOPMENT:

- Handed over 8 medicinal products and 2 food supplement products to the Production Department, focusing on new products in accordance with the market demand. In addition, documents of four other products have been fully prepared for the Production Department.
- Completed researches on the formulation of 26 products, and monitoring their stability.
- Continued to monitor and improve 21 products having incidents or improper process.
- Completed documents for new registration, re-registration and validity extension of product trademarks in a timely manner.
- Fully implemented pharmacovigilance monitoring and updates.
- Supported the GMP-WHO, Ukrainian and Russian re-appraisal and prepare dossiers for four products including poultices, ointment, and inhalers for the US market.

* However:

- It's necessary to have orientation and develop a roadmap for changing out-dated and inappropriate production processes.
- Closely support the introduction of new products to the market, differentiation of products for OTC channel.
- Strengthen market research and forecast.





"With the PIC/S standards for the modern factory producing exports as being currently developed by Danapha, the exporting products will result in a new position for Danapha as well as enable its more frequent presence on international markets."



IV. QUALITY MANAGEMENT:

- Implemented and maintained efficiency of the whole system based on GPs principles and maintaining the Quality management system according to ISO 9001:2008 standards.
- Properly maintained product quality management during the manufacturing process, ensuring to tightly control finished products.
- Implemented properly all activities of inspection and supervision: Regular inspection in line with ISO 9001:2008; working with Russian expert team in re-appraisal GMP Russia; successfully reconsidering GMP-WHO for the oriental pharmaceutical factory.
- Maintained regular inspection during the manufacturing process at factories, detected and dealt with emerging errors in time.
- About product quality: There were 73 unsuitable products in 2016, a higher number than in 2015. The main reasons included unstable manufacturing process and low quality package.
- Internal training and assessment were maintained regularly. However, there were still shortcomings as the.

* Followings:

- Despite of support by R&D Center, there were many unstable manufacturing processes, leading to unexpected incidents in production and quality monitoring.
- Workers did not pay much attention to SOP, especially ones in the Factory No 2.
- Package management at the warehouse was not improved fully. Inventory was not properly managed.
- The workshop at the Production Line No 2 was narrow with high number of products.
- Although package quality was improved, there were still repeated errors, especially with bottles for eye and ear drops, syringe and paper package.

V. INVESTMENT ACTIVITIES:

- In 2017, the company continues to invest more in equipment in order to automate phrases of manufacturing and improve the capacity of export product manufacturing.
- The base depot in the South at Tan Tao Industrial Park has been completed and is under the appraisal to be put into operation.

- The procedures of land lease and investment incentives at the Danang Hi-tech Park were completed. The works of fence, gate, tree, internal roads and the phase 1 of Hi-tech Tablet Factory following PIC/S standards are ready to be developed.
- Progress and relevant works need to be pushed quickly so that the factory manufacturing export products can be put into operation by late 2017.
- To expand and renovate office buildings for future activities.

VI. HUMAN RESOURCES MANAGEMENT AND TRAINING:

- A survey was conducted to assess workers' satisfaction in 2016 and their expectation in 2017.
- The BFO software was completed for the factory.
- The plan of salary scales had been developed and would be submitted to the Department of Labor, Invalids and Social Affairs.
- The average age of workers was younger, leading to better capacity and business.
- Insurance and policies for workers are fully applied. Workers' living standards were paid much attention. Year-end bonus increased by 15% compared to last year.

* However:

- It is needed to develop special policies to attract skilled workers to work in the company's key projects in the near future.
- The plan and strategy for human resources development in a proper manner had not been developed for long-term development goals of the company.
- Training courses were regularly organized, however, awareness of workers of some sections were not improved.
- As of December 31st 2016, the total number of workers in the company was 431, including 26 with postgraduate degree, 168 with graduate degree and the rest with degrees of college, intermediary and primary levels and unskilled workers.



OBJECTIVES, ORIENTATION AND SOLUTIONS IN 2017

I. FORECAST FOR 2017:

- The M&A trend is more and more common among domestic and foreign pharmaceutical enterprises, mostly in the form of franchise and in the distribution area.
- In 2017, the pharmaceutical market in Vietnam is forecast to grow. Policies about using domestic pharmaceutical products will continue to gain attention.
- Competitiveness will be on the rise with strong investments by enterprises of the same industry.
- With big population and potential market, the pharmaceutical market in Vietnam will attract more attention from foreign investors. This is not only a big chance but also a huge challenge for domestic enterprises.

II. PLAN FOR 2017:

- Given the result in 2016, reality of the market and business activities, Danapha's focus is to fulfill its tasks in 2017 as planned:
 - + Revenue: VND 660 billion
 - + Profit before tax (15.5% revenue): VND 102.3 billion

III. SOLUTIONS AND ACTIONS FOR 2017:

1. As for manufacturing activity and plan:

- Complete the building of the Hi-tech Tablet Factory following PIC/S standards.
- To increase export sales in 2017. It is needed to mobilize all efforts to implement agreed export plans successfully.
- To make sure the supplies for stable business.
- To maintain and implement 5S successfully at factories.
- To enhance production capacity for the group of export products while waiting for new equipment.

2. As for business activities:

- To put two new branches of Can Tho and Vinh Phuc into operation in a stable manner so that to catch up with the growth pace of the company and to make sure that customers can access to the company's policies.
- Branch managers need to develop specific solutions and action plans for assigned quota, taking personal responsibility in case of not fulfilling their task.
- To develop solutions to increase sales and maintain the market for key products. To buy more groups of products from reputable distributors.
- To develop strategies to introduce supplement dietary of DanaphaLife in the market successfully.
- To reorient the OTC sale channel because the market segmentation has changed a lot. The goal is to level both OTC and ETC channels. To consider M&A of several enterprises with good distribution systems in the coming time.
- To maintain and expand export market, to register products quickly to put them into new markets.

- To update new documents to focus on tenders in the most effective way.

3. Solutions for development and research:

- To coordinate and participate in designing and developing the manufacturing process for the Hi-tech Tablet Factory to be built at Danang Hi-tech Park.
- To rebuild the manufacturing process with new production line for export products.
- To focus on researching new forms of pharmaceuticals, especially ones for treating cardiovascular disease and diabetes.
- Modernizing traditional recipes and promptly completing and launching the new product line DanaphaLife.
- To continue improving quality of products of high sales but unstable quality in the market.
- To strengthen training and expertise for key employees, improving team leaders' role.
- To improve cooperation with research agencies, institutions and bureaus.

4. Solutions for quality:

- To focus on reappraisal of GMP Russia by April 2017.
- To develop plans to overcome shortcomings for the reappraisal of GMP-WHO for the Factory No 1 by July 2018.
- To build profile and relevant procedures for the appraisal so as to put the base depot in the South into operation.
- To coordinate and deploy projects of production lines for export products as well as projects at Da Nang Hi-tech park.
- To upgrade workshops and invest in equipment to make sure that manufacturing area and process to be in line with GMP.
- To enhance inspection and control the manufacturing process to minimize errors.
- To finalize the assessment of material and package suppliers to select reputable ones who can meet demands of the company.
- To control inputs of materials and package, inventory as well as package distribution.

"With the direction to build international-level production lines through application of Hi-tech science and technologies coupled with cutting-edge production processes and facilities, fundamental changes will be created in operations of Danapha. That's the current direction of Danapha."



Mr. Nguyen Quang Tri
General Director

THE OPERATION REPORT OF BOARD OF SUPERVISORS

STATEMENT OF ACTIVITIES OF THE BOARD OF DIRECTORS IN FINANCE

The Board of Supervisors of Danapha Pharmaceutical JSC (DANAPHA) kindly submitted to the Board of Directors (BOD) the draft report for the activities of the Board of Supervisors in the financial year 2016, which would be submitted to the Annual Meeting of Shareholders in the year 2017 with the following contents:

I. THE OPERATIONS OF THE BOARD OF SUPERVISORS:

- DANAPHA's Board of Supervisors with 3 members in term of office from 2016 – 2021, which was validly elected by the General Shareholders at the Annual Meeting of Shareholders in the year 2016 at the day 05/05/2016.
- In the year 2016, the Board of Supervisors of DANAPHA had implemented and strictly monitored the financial status of the company, the legitimacy of the activities of members of the Board of Directors, the General Manager and other management staffs. There was a good coordination between the Board of Supervisors and the Board of Directors, the General Director and the Management Board in accordance with the laws and regulations of the company, in order to protect the legal interests of the company and shareholder.
- Monitoring the implementation of the resolution of the General Shareholders in the year 2016.
- Proactively planned and controlled plan's implementation under the provisions of law and procedure's regulations of the Board of Supervisors.
- The Board of Supervisors was fully provided with information, decisions of the Board of Directors, Board of Management for production and business activities in 2016. The Chief of Board of Supervisors was invited to attend all the Board meetings in 2016.
- Preparing quarterly and semi annual financial statement audits, which were provided by the accounting department; and checked the transparency of information in these reports.
- Reviewing the financial statements for 2016, which were provided by the accounting department and auditing report of KPMG Auditing Company, to prepare the financial reports for 2016.
- Supervising the performance of members of the Board of Directors as well as the Board of Management to ensure the achievement of the objectives for the interests of shareholders and employees.

II. THE REPORT OF MONITORING ON OPERATIONS AND FINANCIAL SITUATION OF DANAPHA:

A. THE REPORT ON AUDITING OF THE FINANCIAL SITUATION IN 2016:

1. Auditing of the financial situation of Danapha:

- Total assets of the company increased from 471,901 billion VND in 2015 to 634,118 billion VND in 2016 (increased about 162 billion VND, which was 34% over the previous year), of which the main increase due to the increase of current assets: 138,029 billion VND (42.86%); the current account increased slightly (3.8%).
- For short-term assets, short-term receivables increased by 43% from 322 billion VND in 2015 to 460 billion VND in 2016. This was mainly driven by an increase of short-term receivables, including receivables from customers as well as other short-term receivables. In 2016, many promotions and discounts had been applied for the customers to achieve the company's revenue growth targets, which led to a sharp increase in receivables.
- For long-term assets: Fixed assets of the company remained unchanged while the increase was mainly from construction in progress, increased from 1.73 billion VND in 2015 to nearly 24 billion VND in the year 2016. The main reason was that in the year 2016, the company had many items of invested construction, which was in the process of finalization.
- For short term debt: Compared to 2015, the company's current liabilities increased by 44% (from 220 billion VND to 307 billion VND) in 2016. In particular, short-term loans and loans increased by 55 billion VND (up 58% compared to the same period last year). In general, the company had benefited from loans to meet capital needs for production's activities.
- For short-term debt: Loans and long-term loans also increased significantly in 2016, from about 2 billion VND to 33 billion VND. The main purpose of these loans was to ensure the capital to build, supply the facilities, machinery and equipment for production's activities and business's activities of the company.
- For equity: Although in 2016 the company had been approved by the State Securities Commission of Vietnam to issue new shares to the public (issuing new shares to existing shareholders in the form of exercising rights of shareholders). However, the issuance had not ended on December 31st, so the capital's contribution by existing shareholders had not changed. Equity increased mainly due to the deduction for the investment fund of development about 35 billion VND (44.83%).

2. About the income statement of Danapha:

- In 2016, the company's revenue increased by 118.78 billion VND, up by 31.78% compared to 2015. This is the highest increase compared to the past few years (2015 increased 6.32% compared to 2014, in 2014 increased about 10% compared to 2013). This showed that the company's solutions of increasing revenue in the second half of 2016 had brought high efficiency.
- Other expenses such as interest expenses (increased by 42%) and administration expenses (increased by 31%) were important factors. These 2 types of costs had the same speed or higher speed in increase compared to sales. In addition, the increase in interest expenses due to the increase in loans as explained above, administration costs would be needed to be carefully monitored in order to improve the business performance of the company.

- The profit after tax of the company in 2016 increased 42% compared to 2015 (from 44 billion VND to more than 62 billion VND). This showed that not only the company was successful to improve sales but also successful in managing the cost of good sales, costs, which contributed to improve the business performance of the company.

3. About the cash flow statement:

- Cash flow statement showed that money and cash equivalents in 2016 increased by 10.45 billion VND (+ 21.7%) compared to 2015, specifically:
- Operating cash flow decreased sharply by 13.36 billion VND (-46.84%), mainly due to high volatility in receivables and other assets.
- Investment cash flow was almost unchanged (only increased 2% compared to 2016). In the period, the cash inflows from term deposits increased by 17.2 billion VND; however, the company increased capital expenditures, which made the cash outflow of buying fixed assets and long-term investments to increase about 14.55 billion VND.
- Financial cash flow increased sharply by 34.67 billion VND, equivalent to the increase of 90.83% compared to 2016, mainly due to the increase in long-term loans to meet the demand for construction's investment; and the increase in short-term loans to meet the requirements of production and sale of the company.

B/ ANALYSIS OF CORPORATE'S FINANCIAL RATIOS:

Table 1: Consolidate some financial ratios of the company in 2016 compared to 2015

FINANCIAL RATIOS	COUNTS	2016	2015	DOWN	CHANGE
Current Ratio	TIMES	1.50	1.52	-0.02	-1.15
Quick Ratio	TIMES	1.15	1.08	0.07	6.89
Cash Ratio	TIMES	0.19	0.23	-0.04	-15.80
Debt / Equity	%	115.64	83.18	32.46	39.02
Debt / total liabilities and owner's equity	%	53.63	45.41	8.22	18.10
Inventory turnover ratio	TIMES	4.94	4.42	0.52	11.77
Account receivable turnover ratio	TIMES	2.21	2.78	-0.57	-20.50
Profit to sales ratio	%	12.75	11.89	0.87	7.29
Return on asset (ROA)	%	9.86	9.33	0.53	5.66
Return on equity (ROE)	%	21.33	17.09	4.20	24.59
EPS (earnings per share)	VND	6,400	5,125	1,275	24.88

Comment on the financial situation of the company through financial ratios:

* Liquidity ratios

- The liquidity of the company generally had not changed significantly compared to 2015, the coefficient of current ratio decreased slightly and the quick ratio increased slightly, but the cash ratio decreased by 15.80%. In the condition that the company sharply increased the short-term loans to meet the demand for sales and production, the coefficient of liquidity did not fluctuate strongly, proving that the company continued to take the initiative in the management of the company's finance.
- Compared to other companies in the industry, these ratios of Danapha were lower than most other companies. Even though it was possible to meet fairly short-term liabilities (all the ratios are greater than 1), the company also needed to improve these ratios to further improvement in its liquidity.

* Financial Structure

- The financial structure of the company changed in the direction of increasing the debt ratio. If it was used in the right direction, these would contribute to the company's profit. The ratio of debt to equity and debt structure in the company's capital increased from 2015 (debt to equity ratio increased from 83.18% to 115.64% and debt to total liabilities and equity ratio of the company increased from 45.41% to 53.63%). Longer term debt increased sharply in 2016. It was necessary in the general situation that the company must use more long-term funds to meet the requirements of the construction investments and purchasings new machineries, equipment.
- Debt and financial leverage ratios of the company were higher than the average ratio of the industry while the market interest rates were stable. These might contribute to the company's effectiveness, amplify the ROE, and ensure the interests of its shareholders.

* Operating ratio

- The account receivable turnover ratio of the company decreased from 2.78 to 2.21, compared to the previous year, which would make the average receivable time to increase by more than one month. This was also a factor that explains the increase in customer receivables in 2016.
- Compared to other companies, the account receivable turnover ratio of the company was quite low; the average receivable time was also higher than the industry average (163 days compared to the average of 80 days). This was due to the specialized characteristics of high rate of exports and this was also a slow turnover.
- Inventory turnover ratio increased slightly compared to 2015. This showed that the company had improved the process, so the efficiency of using assets of the company increased. Inventory turnover ratio of the company dropped about 10 days, to 73 days. Although the value of inventory compared to 2015 increased about 14%; but with the faster flow, we could see that the business situation of the company was quite good.
- This ratio of the company was approximates equal to the industry's overall ratio for 2016 (DANAPHA's average ratio was 73 days with an industry's average ratio of 76 days). This showed that if the company could manage the process more efficiently, it would have more opportunities to increase sales and ensure its revenue.

- The account payable turnover ratio was not much different from 2015. The pay time for suppliers was approximately to 2015, approximately 44 days. This showed that the company retained good reputation with its partners.
- Compared with the industry average, the company's average payable time was still low (44 days vs 55 days) but the company would maintain good relationships with material suppliers as well as increasing its reputation.

*** Profitability index:**

- In general, the company's profitability indexes were higher than in 2015. The ROE ratio had the biggest increase (about 25%). This showed that the company improved in controlling costs such as cost of goods sold, interest, and administration costs to maximize revenues as well as efficiency in controlling resources; efficiency in controlling equity, assets and financial leverage of the company to maximize profits for the company as well as its shareholders.
- Compared to some other companies in the industry, the company's profitability index for 2016 were above the industry average (gross margin was 46% versus average industry 37%, ROE was 21% vs average industry 18%). If the efforts to improve revenue and cost management were effectively applied, the company's revenue would continue to increase further in the future.
- Due to the good impacted factors, the profit after tax of the company increased quite a lot. This led to EPS growth of more than 24%.

In general, the financial ratios of the company showed that the financial situation was quite stable and improved significantly compared to 2015, especially better overall performance; ROE and EPS per share (EPS) was impressive increasing. The table below was a comparison of basic financial ratios of some typical pharmaceutical companies compared to DANAPHA.

Table 2: Financial ratios of some pharmaceutical corporation in 2016

FINANCIAL RATIOS	COUNT	DANAPHA	OPC	DHG	TRA	DMC	IMP	LDP	PPP	Average
Liquidity ratios										
Current ratio	TIMES	1.50	2.37	2.77	2.81	4.66	3.64	0.98	1.09	2.48
Quick ratio	TIMES	1.15	1.12	2.02	1.88	2.97	2.46	0.32	0.67	1.57
Cash ratio	TIMES	0.19	0.44	0.60	0.62	0.52	0.51	0.03	0.28	0.40
Operating ratios										
Account receivable turnover ratio	TIMES	2.21	7.21	5.68	5.87	4.17	3.02	8.56	6.60	5.41
Day of sales outstanding ratio	DAYS	163	50	63	61	86	119	42	55	80
Inventory turnover ratio	TIMES	4.94	3.21	5.47	6.48	4.49	4.21	4.52	6.46	4.97
Average day of inventory	DAYS	73	112	66	56	80	86	80	56	76
Account payable turnover ratio	TIMES	8.17	11.18	7.11	7.65	8.22	6.85	3.51	5.31	7.25
Average day of account payable	DAYS	44	32	51	47	44	53	103	68	55
Financial Structure										
Debt / total liabilities and owner's equity	%	53.63	29.74	26.72	25.25	16.66	19.01	65.71	43.87	35.07
Long term debt / total asset	%	5.19	0.83	1.46	1.12	0.06	1.89	4.60	5.58	2.59
Debt / Owner's equity	%	116.1	42.32	36.47	33.78	19.99	23.47	191.6	78.17	67.73
Self – funding ratio	%	46.21	70.26	73.28	74.75	83.34	80.99	34.29	56.13	64.91
Profitability index										
Gross profit margin	%	46.00	44.18	45.58	49.76	38.65	40.09	15.42	19.40	37.39
Net profit margin	%	12.75	9.93	18.77	10.54	13.09	10.00	3.86	6.23	10.65
Return on Asset	%	9.86	10.13	17.98	15.51	15.89	8.74	7.06	5.72	11.36
Return on Equity	%	21.33	14.41	24.53	20.76	19.07	10.79	20.58	10.19	17.71

* The average financial ratio of the pharmaceutical industry was calculated on the average from seven pharmaceutical companies in the industry, including Hau Giang Pharmaceuticals, Domesco Pharmaceuticals, Traphaco Pharmaceuticals, Lam Dong Pharmaceuticals, Imexpham Pharmaceuticals, OPC Pharmaceuticals, Phong Phu Pharmaceuticals (all the companies were listed on the stock market) and Danapha.

According to the compared table above, it could be seen that the company was in a developing stage, when the company increased its loans from many financial funds, and accelerated its solutions to increase its sales. Therefore, some indicators about the payable ratios were lower compared to the average of the industry; the receivable turnover ratio was shorter and average payable period were longer than an average of the industry, low self-funding ratios while debt ratios were higher than an average of the industry. These might be risks for the company in terms of financial management, risk management, but this was also the opportunity of the company to take advantage to achieve high efficiency in business operations.

It was noteworthy that most of the company's profitability ratios were significantly higher than an average of the industry.

This proved that DANAPHA was one of the most effective companies in the pharmaceutical industry according to the profitability ratios. Gross profit margin was only ranked after Traphaco Pharmaceuticals. The net profit followed closely to Hau Giang Pharmaceuticals (DHC) and Domesco Pharmaceuticals (DMC), the ROE ratio was only ranked after and followed closely Hau Giang Pharmaceuticals.

III. COMMENTS AND SUGGESTIONS WITH BOD AND BOM:

- The issuance of shares to existing shareholders in the form of exercising the rights ended in February 2017, the equity of the company increased, resulting in pressure to reduce EPS and return on equity in the next coming years. With new investment plans in 2017, it is likely that DANAPHA's financial targets will be lower than in 2016, but this is a required step for DANAPHA's sustainable development in the future.
- The Company needs to emphasize the techniques of risk management in debt management for customers to ensure the increase in sales and the safety in account receivable from customers, in order to avoid the risk of payable of the company.
- At the moment, the Company has become a large-scale public company. The company shall note the disclosure of information, the depository of shares in accordance with current regulations.
- The Board of Management of the company shall consider about the recommendations of the SSC and transfer the information to the members of the Board of Supervisors (who are related to the members of the Board of Directors), respectfully propose the Board of Directors to have the direction in order to present to the General Meeting of Shareholders to ensure the compliance with the provisions of law.
- Continue to implement the strategies to increase revenue, market share and cost control as applied in 2016; maintain revenue growth and sustain business performance in the next coming years.

*** CONCLUSION:**

The business and financial situation of the company generally have positive changes, more effective than in previous years and better than other businesses in the same industry. The Board of Management, the board of directors and the entire Danapha's staffs should maintain the implementation of strategies, promote the existing advantages, and invest in development in the direction of modernization and application of high technology to ensure the business and production activities to continue and achieve high efficiency in the next coming years.

Best wishes to the Board of Management, Board of Directors with health and successes.

Da Nang, March 16, 2017



On behalf of the Board Of Supervisors
Chief
Dr. Nguyen Hoang Giang





FINANCIAL STATEMENTS

CORPORATE INFORMATION

Business Registration Certificate No.

3203001246	20 December 2006
0400102091	14 September 2010
0400102091	17 May 2011
0400102091	6 November 2013
0400102091	8 May 2015

Enterprise Registration Certificate No.

0400102091	25 August 2015
------------	----------------

The Company's Business Registration Certificate has been amended several times, the most recent of which is by Enterprise Registration Certificate No. 0400102091 dated 25 August 2015. The Business Registration Certificate and its updates, including the Enterprise Registration Certificate, were issued by Da Nang Department of Planning and Investment.

Board of Directors

Mr. Nguyen Quang Tri	Chairman
Mr. Mai Dang Dau	Member
Mr. Pham Khac Ha	Member
Ms. Nguyen Thi Van Tho	Member
Ms. Nguyen Thi Lien Hoa	Member (from 5 May 2016)
Mr. Lai Tien Manh	Member (from 5 May 2016)
Mr. Nguyen Duc Son	Member (from 5 May 2016)
Mr. Truong Cong Tri	Member (from 5 May 2016)

Board of Management

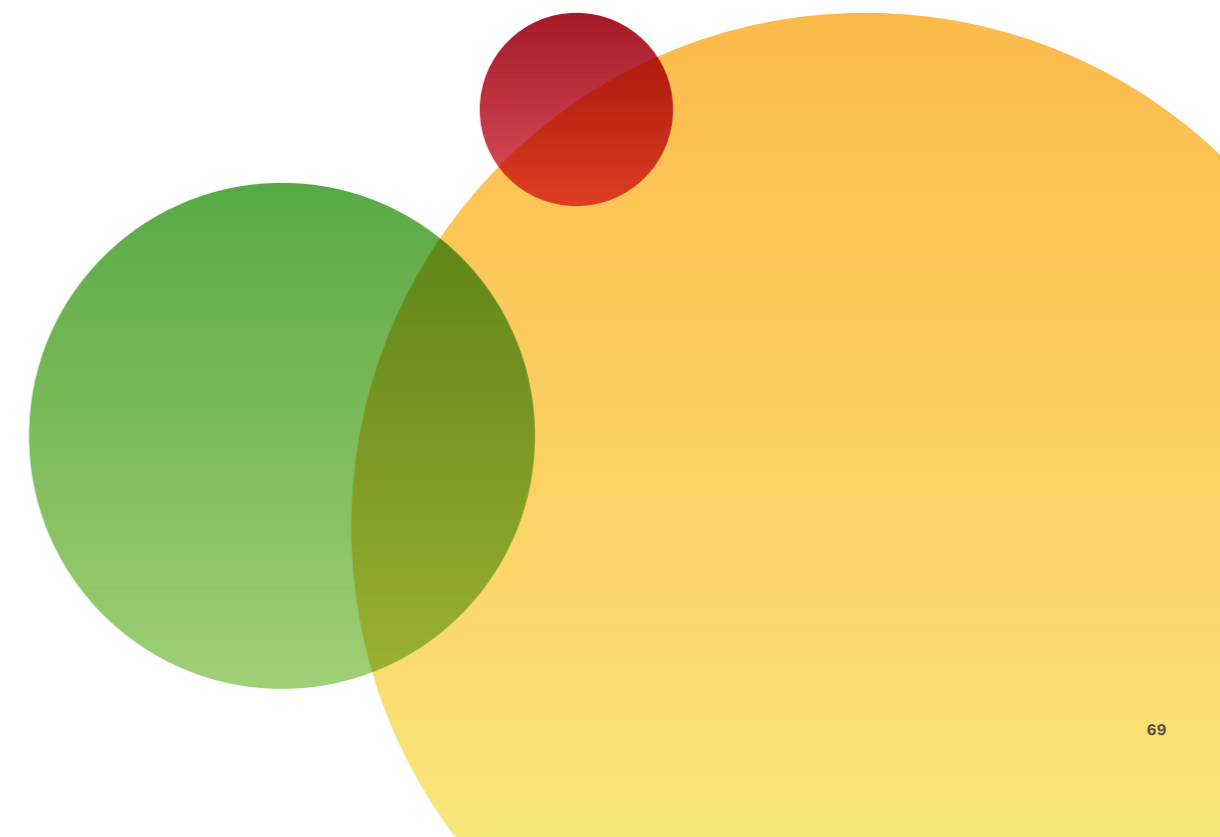
Mr. Nguyen Quang Tri	General Director
Mr. Mai Dang Dau	Deputy General Director
Mr. Duong Chi Toan	Deputy General Director (from 5 May 2016)
Ms. Nguyen Thi Van Tho	Deputy General Director (until 5 May 2016)

Registered Office

253 Dung Si Thanh Khe, Thanh Khe District
Da Nang City, Vietnam

Auditor

KPMG Limited Vietnam



STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company ("the Company") presents this statement and the accompanying financial statements of the Company for the year ended 31 December 2016.

The Company's Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of the financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting. In the opinion of the Board of Management:

- a. The financial statements set out on pages 72 to 93 give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2016, and of the results of operations and the cash flows of the Company for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting; and
- b. At the date of this statement, there are no reasons to believe that the Company will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Board of Management has, on the date of this statement, authorised the accompanying financial statements for issue.

On behalf of the Board of Management



Nguyen Quang Tri
General Director

Da Nang City, 10 March 2017

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT



KPMG Limited: 10th floor, Sun Wah Tower,
115 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam
Tel: +84 (8) 3821 9266 / Fax: +84 (8) 3821 9267
Web: www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

To the Shareholders

Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company
We have audited the accompanying financial statements of Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company ("the Company"), which comprise the balance sheet as 31 December 2016, the statements of income and cash flows for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Management on 10 March 2017, as shown on pages 72-93.

Management's Responsibility

The Company's Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Auditor's Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company as at 31 December 2016 and of its results of operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

KPMG Limited's Branch in Ho Chi Minh City
Vietnam
Audit Report No.: 16-01-456



Truong Vinh Phuc
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 1901-2013-007-1
Deputy General Director
Ho Chi Minh City, 10 March 2017

Pham Huy Cuong
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 2675-2014-007-1

BALANCE SHEET

as at 31 December 2016

Form B 01 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	CODE	NOTE	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
ASSETS				
Current assets				
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		453,539,467,112	322,010,141,195
Cash and cash equivalents	110	5	58,607,172,757	48,156,130,533
Cash	111		28,607,172,757	31,156,130,533
Cash equivalents	112		30,000,000,000	17,000,000,000
Short-term financial investments	120		-	20,000,000,000
Held-to-maturity investments	123		-	20,000,000,000
Accounts receivable – short-term	130		282,274,861,379	154,414,516,563
Accounts receivable from customers	131	6	255,452,359,793	143,327,766,064
Prepayments to suppliers	132		31,522,680,312	11,597,600,557
Other receivables	136	7	1,377,257,700	1,170,809,659
Allowance for doubtful debts	137	8	(6,077,436,426)	(1,681,659,717)
Inventories	140	9	105,865,575,682	92,760,889,817
Inventories	141		107,754,471,039	94,139,134,476
Allowance for inventories	149		(1,888,895,357)	(1,378,244,659)
Other current assets	150		6,791,857,294	6,678,604,282
Deductible value added tax	152		6,435,695,459	6,678,604,282
Taxes receivable from State Treasury	153		356,161,835	-
Long-term assets				
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		180,578,339,210	149,890,860,228
Accounts receivable – long-term	210		6,500,000,000	-
Other long-term receivables	216		6,500,000,000	-
Fixed assets	220		117,802,101,009	117,983,031,725
Tangible fixed assets	221	10	75,764,849,476	75,945,780,192
Cost	222		206,507,953,155	191,958,122,796
Accumulated depreciation	223		(130,743,103,679)	(116,012,342,604)
Intangible fixed assets	227	11	42,037,251,533	42,037,251,533
Cost	228		42,037,251,533	42,037,251,533
Accumulated amortisation	229		-	-
Long-term work in progress	240		23,916,227,781	1,730,429,443
Construction in progress	242	12	23,916,227,781	1,730,429,443
Long-term financial investments	250	13	16,243,750,260	12,868,750,260
Investments in associates	252		8,820,000,000	8,820,000,000
Equity investments in other entities	253		8,375,000,000	5,000,000,000
Allowance for diminution in the value of long-term financial investments	254		(951,249,740)	(951,249,740)
Other long-term assets	260	14	16,116,260,160	17,308,648,800
Long-term prepaid expenses	261		16,116,260,160	17,308,648,800
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		634,117,806,322	471,901,001,423

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

BALANCE SHEET

as at 31 December 2016

Form B 01 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	CODE	NOTE	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
RESOURCES				
LIABILITIES (300 = 310 + 330)	300		341,154,021,309	214,282,665,076
CURRENT LIABILITIES	310		314,865,749,178	213,000,231,645
Accounts payable to suppliers	311	15	32,397,238,866	24,922,324,168
Advances from customers	312		10,266,677,153	7,213,839
Taxes payable to State Treasury	313	16	1,082,535,991	2,795,016,539
Payables to employees	314		23,879,286,615	14,771,679,124
Accrued expenses	315	17	12,265,860,151	4,081,656,854
Other payables	319	18	68,926,929,155	63,603,160,022
Short-term borrowings	320	19(a)	157,834,338,298	95,853,923,869
Bonus and welfare fund	322	20	8,212,882,949	6,965,257,230
LONG-TERM LIABILITIES	330		26,288,272,131	1,282,433,431
Long-term borrowings	338	19(b)	26,288,272,131	1,282,433,431
EQUITY (400 = 410 + 430)	400		292,963,785,013	257,618,336,347
OWNERS' EQUITY	410	21	291,954,353,632	256,953,184,040
Share capital	411	22	97,650,000,000	97,650,000,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		97,650,000,000	97,650,000,000
Share premium	412		81,232,500,000	81,232,500,000
Investment and development fund	418	24	113,071,853,632	78,070,684,040
NON-BUSINESS EXPENDITURE FUND AND OTHER FUNDS	430	21	1,009,431,381	665,152,307
Non-business expenditure fund	431		806,270,600	415,118,890
Non-business expenditure fund invested in fixed assets	432		203,160,781	250,033,417
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		634,117,806,322	471,901,001,423

10 March 2017
Prepared by:

Approved by:

Trung Thi Dieu Huyen
Accounting Manager

Nguyen Thi Van Tho
Chief Accountant



Nguyen Quang Tri
General Director

STATEMENT OF INCOME

for the year ended 31 December 2016

Form B 02 – DN

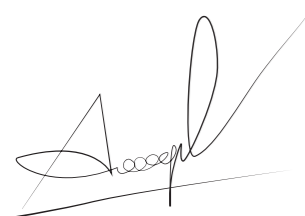
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	CODE	NOTE	2016 VND	2015 VND
REVENUE FROM SALES OF GOODS	01	26	492,582,209,818	373,801,840,342
REVENUE DEDUCTIONS	02	26	2,428,986,175	3,416,128,388
NET REVENUE (10 = 01 - 02)	10	26	490,153,223,643	370,385,711,954
COST OF SALES	11	27	264,683,717,369	198,772,919,064
GROSS PROFIT (20 = 10 - 11)	20		225,469,506,274	171,612,792,890
Financial income	21	28	4,599,475,410	4,190,980,515
Financial expenses	22	29	10,812,971,498	8,527,261,639
<i>In which: Interest expense</i>	23		10,534,646,168	8,355,913,550
Selling expenses	25	30	91,850,974,656	72,099,536,664
General and administration expenses	26	31	52,519,474,582	40,200,967,008
NET OPERATING PROFIT				
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		74,885,560,948	54,976,008,094
Other income	31		580,026,716	30,000,000
Other expenses	32		116,948,403	57,381,356
RESULTS OF OTHER ACTIVITIES				
(50 = 30 + 40)	40		(463,078,313)	(27,381,356)
ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX				
(50 = 30 + 40)	50		75,348,639,261	54,948,626,738
INCOME TAX EXPENSE – CURRENT	51	33	12,846,550,704	10,925,982,975
NET PROFIT AFTER TAX				
(60 = 50 - 51)	60		62,502,088,557	44,022,643,763
BASIC EARNINGS PER SHARE	70	34	5,584	4,273

10 March 2017

Prepared by:

Approved by:



Trương Thị Diệu Huyền
Accounting Manager



Nguyễn Thị Văn Thơ
Chief Accountant



Nguyễn Quang Tri
General Director

STATEMENT OF CASH FLOWS

for the year ended 31 December 2016 (Indirect method)

Form B 03 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	CODE	2016 VND	2015 VND
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX	01	75,348,639,261	54,948,626,738
ADJUSTMENTS FOR			
Depreciation and amortisation	02	17,703,862,273	15,655,241,135
Allowances and provisions	03	5,721,744,930	(355,612,997)
Exchange gains arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	04	(1,999,955,426)	(1,951,267,754)
Profits from investing activities	05	(2,563,637,535)	(1,836,206,964)
Interest expense	06	10,534,646,168	8,355,913,550
OPERATING PROFIT BEFORE CHANGES IN WORKING CAPITAL	08	104,745,299,671	74,816,693,708
Change in receivables and other assets	09	(130,699,360,209)	(44,554,814,366)
Change in inventories	10	(14,430,654,086)	(16,902,961,850)
Change in payables and other liabilities	11	34,605,503,217	(2,803,309,180)
Change in prepaid expenses	12	1,192,388,640	(17,308,648,800)
		(4,586,822,767)	(6,753,040,488)
Interest paid	14	(9,863,468,824)	(9,356,004,136)
Income tax paid	15	(14,550,000,000)	(9,384,066,490)
Other receipts from operating activities	16	850,000,000	1,682,961,869
Other payments for operating activities	17	(13,729,014,172)	(4,710,015,536)
NET CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES	20	(41,879,305,763)	(28,520,164,781)
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for additions to fixed assets and other long-term assets	21	(39,743,358,563)	(25,193,918,414)
Proceeds from disposal of fixed assets	22	550,000,000	30,000,000
Receipts from term deposits at banks	24	20,000,000,000	2,794,016,667
Payments for investments in other entities	25	(3,375,000,000)	
Receipts of interests and dividends	27	2,048,266,203	1,806,206,964
NET CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES	30	(20,520,092,360)	(20,563,694,783)

The accompanying notes are an integral part of these financial statements

STATEMENT OF CASH FLOWS

for the year ended 31 December 2016 (Indirect method - continued)

Form B 03 – DN

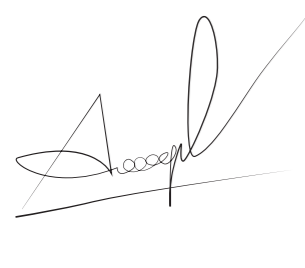
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	CODE	2016 VND	2015 VND
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Proceeds from equity issued	31	-	58,782,500,000
Proceeds from borrowings	33	239,300,182,731	143,461,505,198
Payments to settle loan principals	34	(152,313,929,602)	(139,856,537,570)
Payments of dividends	36	(14,132,460,000)	(24,210,208,000)
NET CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES	40	72,853,793,129	38,177,259,628
NET CASH FLOWS DURING THE YEAR (50 = 20 + 30 + 40)	50	10,454,395,006	(10,906,599,936)
CASH AND CASH EQUIVALENTS AT THE BEGINNING OF THE YEAR	60	48,156,130,533	58,411,900,766
EFFECT OF EXCHANGE RATE FLUCTUATIONS ON CASH AND CASH EQUIVALENTS	61	(3,352,782)	650,829,703
CASH AND CASH EQUIVALENTS AT THE END OF THE YEAR (70 = 50 + 60 + 61) (NOTE 5)	70	58,607,172,757	48,156,130,533

10 March 2017

Prepared by:

Approved by:



Trương Thị Diệu Huyền
Accounting Manager



Nguyễn Thị Văn Thơ
Chief Accountant



Nguyễn Quang Trí
General Director

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements.

1. REPORTING ENTITY

a. Ownership structure

Danapha Pharmaceutical Joint Stock Company ("the Company") is incorporated as a joint-stock company under Business Registration Certificate No. 3203001246 issued by Da Nang Department of Planning and Investment on 20 December 2006 following the reorganisation of the former Vietnam Pharmaceutical Company Number 5.

b. Principal activities

The principal activities of the Company are to manufacture and trade medicine, pharmaceutical chemistry and medicinal chemistry.

c. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is generally within 12 months.

d. Company structure

As at 31 December 2016, the Company had 427 employees (1/1/2016: 398 employees).

2. BASIS OF PREPARATION

a. Statement of compliance

The financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

b. Basis of measurement

The financial statements, except for the statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The statement of cash flows is prepared using the indirect method.

c. Annual accounting period

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December.

d. Accounting and presentation currency

The Company's accounting currency is Vietnam Dong ("VND"), which is also the currency used for financial statement presentation purpose.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these financial statements.

a. Foreign currency transactions and presentation currency

Transactions in currencies other than VND during the year have been translated into VND at actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate and account transfer selling rate, respectively, at the end of the annual accounting period

quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the statement of income.

b. Cash and cash equivalents

Cash comprises cash balances and call deposits. Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short-term cash commitments rather than for investment or other purposes.

c. Investments

i. Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are those that the Company's management has the intention and ability to hold until maturity. Held-to-maturity investments include term deposits at banks. These investments are stated at cost less allowance for doubtful debts.

ii. Investments in associates

Investments in associates are initially recognised at cost which includes purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investments are stated at cost less allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in investment value if the investee has suffered a loss, except where such a loss was anticipated by the Company's management before making the investment. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

iii. Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities are initially recognised at cost which include purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investment are stated at cost less allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in investment values if the investee has suffered a loss, except where such a loss was anticipated by the Company's management before making the investment. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

d. Accounts receivable

Trade and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

e. Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost is determined on a weighted average basis and includes all costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost in the case of finished goods and work in progress includes raw materials, direct labour and attributable manufacturing overheads. Net realisable value is the estimated selling price of inventory items, less the estimated costs of completion and selling expenses.

The Company applies the perpetual method of accounting for inventories.

f. Tangible fixed assets

i. Cost

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repairs, maintenance and overhaul cost, is charged to the statement of income in the year in which the cost is incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

ii. Depreciation

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets.

The estimated useful lives are as follows:

- buildings 5 – 25 years
- machinery and equipment 3 – 10 years
- motor vehicles 3 – 6 years

g. Intangible fixed assets

Land use rights

- Land use rights comprise: those granted by the State for which land use payments are collected.
- Those acquired in a legitimate transfer; and
- Rights to use leased land obtained before the effective date of Land Law (2003) for which payments have been made in advance for more than 5 years and supported by land use rights certificate issued by competent authority.

Land use rights with indefinite period of use are stated at cost and not amortised. The initial cost of land use rights comprise its purchase price and any directly attributable costs incurred in conjunction with securing the land use rights.

h. Construction in progress

Construction in progress represents the costs of construction and machinery which have not been fully completed or installed. No depreciation is provided for construction in progress during the period of construction and installation.

i. Long term prepaid expenses

Prepaid land costs

Prepaid land costs comprise prepaid land lease rentals, including those for which the Company obtained land use rights certificate but are not qualified as intangible fixed assets under Circular No. 45/2013/TT-BTC dated 25 April 2013 of the Ministry of Finance providing guidance on management, use and depreciation of fixed assets, and other costs incurred in conjunction with securing the use of leased land. These costs are recognised in the statement of income on a straight-line basis over the term of the lease of 35 years.

j. Trade and other payables

Trade and other payables are stated at their cost.

k. Provision

A provision is recognised if, as a result of a past event, the Company has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.

l. Taxation

Income tax on the profit or loss for the year comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the year, using tax rates enacted or substantively enacted at the end of the annual accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous years.

Deferred tax is provided using the balance sheet method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amount of assets and liabilities using tax rates enacted at the end of the annual accounting period.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary difference can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

m. Share capital

i. Ordinary shares

Ordinary shares are stated at par value. Incremental costs directly attributable to the issue of shares, net of tax effects, are recognised as a deduction from share premium.

ii. Share premium

When received capital from the shareholders, the difference between issue price and par value of shares is recognised in share premium account in equity.

n. Equity funds

Allocations are made to equity funds from the retained profits annually based on the percentage decided by the shareholders in annual general meeting.

o. Revenue and other income

i. Goods sold

Revenue from the sale of goods is recognised in the statement of income when the significant risks and rewards of ownership have been transferred to the buyer. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due or the possible return of goods. Revenue on sales of goods is recognised at the net amount after deducting sales discounts stated on the invoice.

ii. Interest income

Interest income is recognised on a time proportion basis with reference to the principal outstanding and the applicable interest rate.

iii. Dividend income

Dividend income is recognised when the right to receive dividend is established. Share dividends are not recognised as income. Dividends received which are attributable to the period before investment acquisition date are deducted from the carrying amount of the investment.

p. Operating lease payments

Payments made under operating leases are recognised in the statement of income on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives received are recognised in the statement of income as an integral part of the total lease expense.

q. Borrowing costs

Borrowing costs are recognised as an expense in the year in which they are incurred, except where the borrowing costs relate to borrowings in respect of the construction of qualifying assets, in which case the borrowing costs incurred during the period of construction are capitalised as part of the cost of the assets concerned.

r. Earnings per share

The Company presents basic earnings per share ("EPS") for its ordinary shares. Basic EPS is calculated by dividing the profit or loss attributable to the ordinary shareholders of the Company by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

s. Segment reporting

A segment is a distinguishable component of the Company that is engaged either in providing related products or services (business segment), or in providing products or services within a particular economic environment (geographical segment), which is subject to risks and rewards that are different from those of other segments. The Company has only one business segment, which is to manufacture and trade medicine. The Company's primary format for segment reporting is based on geographical segments (Vietnam and overseas).

t. Related parties

Parties are considered to be related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where the Company and the other parties are subject to common control or significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

4. SEGMENT REPORTING

Geographical segments

	Viet Nam		Overseas		Total	
	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND	2016 VND	2015 VND
External revenue	356,263,410,043	296,428,334,097	136,318,799,775	77,373,506,245	492,582,209,818	373,801,840,342
Capital expenditure	34,669,188,258	20,713,966,414	5,074,170,305	4,479,952,000	39,743,358,563	25,193,918,414
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Segment assets	634,117,806,322	471,901,001,423	-	-	634,117,806,322	471,901,001,423

5. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Cash on hand	1,454,606,733	823,239,093
Cash in banks	27,152,566,024	30,332,891,440
Cash equivalents	30,000,000,000	17,000,000,000
Cash and cash equivalents in the statement of cash flows	58,607,172,757	48,156,130,533

6. ACCOUNTS RECEIVABLE FROM CUSTOMERS – SHORT-TERM

a. Accounts receivable from customers detailed by significant customer

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Danson – BG EOOD	125,840,992,183	46,934,003,893
Kim Do Pharmaceutical Co., Ltd	20,502,703,165	15,708,102,142
Kim Do Pharmaceutical Co., Ltd	109,108,664,445	80,685,660,029
	255,452,359,793	143,327,766,064

b. Accounts receivable from customers who are related parties

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Da Nang Pharmaceutical – Medical Equipment Joint Stock Company	3,669,317,735	1,984,687,345
Danapha – Nanosome Pharmaceutical Joint Stock Company	104,791,238	10

The trade related amounts due from related companies were unsecured, interest free and are receivable on demand.

7. OTHER RECEIVABLES

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Advances	981,001,693	529,912,976
Short-term deposits	145,140,407	204,211,400
Others	251,115,600	436,685,283
	1,377,257,700	1,170,809,659

Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

8. ALLOWANCE FOR DOUBTFUL DEBTS

	1/1/2016		31/12/2016	
	Overdue days	Recoverable amount VND	Overdue days	Recoverable amount VND
Danson - BG EOOD	0 - 321	7,466,720,211	0 - 321	7,466,720,211
Bai Tu Long Pharmaceutical Company Limited	1,668 - 1,695	-	1,668 - 1,695	-
Hung Yen Pharmaceutical JSC - Khoai Chau Branch	1,737	148,985,733	1,737	148,985,733
Tien Giang Mental Hospital	1,679 - 1,737	136,922,982	1,679 - 1,737	136,922,982
Others	181 - 1,827	15,868,188,443	181 - 1,827	15,868,188,443
		3,082,630,297		3,082,630,297
		(1,681,659,717)		(1,681,659,717)
		2,014,331,111		2,014,331,111



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

9. INVENTORIES

	31/12/2016		1/1/2016	
	Cost	Allowance	Cost	Allowance
	VND	VND	VND	VND
Raw materials	62,941,153,453	(725,580,393)	55,326,463,886	(734,449,253)
Tools and supplies	60,176,847	-	124,668,297	-
Work in progress	7,182,164,119	-	6,618,631,909	-
Finished goods	36,917,615,417	(1,163,314,964)	31,680,270,379	(643,795,406)
Merchandise inventories	653,361,203	-	389,100,005	-
	107,754,471,039	(1,888,895,357)	94,139,134,476	(1,378,244,659)

Included in inventories at 31 December 2016 was VND1,889 million (1/1/2016: VND1,378 million) of inventories carried at net realisable value.

Movements in the allowance for inventories during the year were as follows:

	2016 VND	2015 VND
OPENING BALANCE	1,378,244,659	2,751,641,842
Increase in allowance during the year	1,325,968,221	-
Allowance reversed during the year	-	(864,374,190)
Allowance utilised during the year	(815,317,523)	(509,022,993)
Closing balance	1,888,895,357	1,378,244,659

10. TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings	Machinery and equipment	Motor vehicles	Total
	VND	VND	VND	VND
COST				
Opening balance	72,586,327,980	112,198,025,519	7,173,769,297	191,958,122,796
Additions	1,062,116,072	8,556,281,074	3,818,754,545	13,437,151,691
Transfer from construction in progress	4,120,408,534	-	-	4,120,408,534
Disposals	-	(2,125,528,139)	(882,201,727)	(3,007,729,866)
Closing balance	77,768,852,586	118,628,778,454	10,110,322,115	206,507,953,155
ACCUMULATED DEPRECIATION				
Opening balance	36,967,358,740	73,836,000,705	5,208,983,159	116,012,342,604
Charge for the year	4,374,027,157	12,298,180,526	1,031,654,590	17,703,862,273
Disposals	-	(2,090,899,471)	(882,201,727)	(2,973,101,198)
Closing balance	41,341,385,897	84,043,281,760	5,358,436,022	130,743,103,679
NET BOOK VALUE				
Opening balance	35,618,969,240	38,362,024,814	1,964,786,138	75,945,780,192
Closing balance	36,427,466,689	34,585,496,694	4,751,886,093	75,764,849,476

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Included in tangible fixed assets were assets costing VND73,795 million which were fully depreciated as of 31 December 2016 (1/1/2016: VND51,161 million), but which are still in active use.

As at 31 December 2016, tangible fixed assets with carrying value of VND11,554 million (1/1/2016: VND18,283 million) were pledged with banks as security for loans granted to the Company (Note 19(a)).

11. INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land use rights VND
COST	
Opening balance/closing balance	42,037,251,533
NET BOOK VALUE	
Opening balance/closing balance	42,037,251,533

12. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	2016 VND	2015 VND
Opening balance	1,730,429,443	-
Additions during the year	26,306,206,872	1,730,429,443
Transfer to tangible fixed assets	(4,120,408,534)	-
Closing balance	23,916,227,781	1,730,429,443

Major constructions in progress were as follows:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Geologic survey and initial installment costs for the new factory at Tan Tao Industrial Zone – Ho Chi Minh City	22,918,456,872	1,730,429,443
Others	997,770,909	-
	23,916,227,781	1,730,429,443

As at 31 December 2016, constructions in progress with a carrying value of VND22,918 million (1/1/2016: Nil) was pledged with banks as security for loans granted to the Company (Note 19(b)).

During the year, borrowing costs capitalised into construction in progress amounted to VND656 million (2015: Nil).

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

13. LONG-TERM FINANCIAL INVESTMENTS

Address	Quantity	% of equity owned	31/12/2016		1/1/2016		Allowance for diminution in value VND	Fair value VND	Allowance for diminution in value VND	Fair value VND
			% of voting rights	Cost VND	% of voting rights	Cost VND				
Danapha – Nanosome Pharmaceutical Joint Stock Company (*)	882,000	49%	49%	8,820,000,000	882,000	8,820,000,000	(951,249,740)	(951,249,740)	(951,249,740)	(**)
OTHERS										
Da Nang Pharmaceutical – Medical Equipment Joint Stock Company	630,000	7%	7%	6,800,000,000	360,000	5,000,000,000	-	-	-	(**)
Vietnam Pharmaceutical Corporation – Joint Stock Company	100,000	0.04%	0.04%	1,575,000,000	-	-	-	-	-	-
				17,195,000,000		13,820,000,000	(951,249,740)	(951,249,740)	(951,249,740)	(**)

(*) Danapha – Nanosome Pharmaceutical Joint Stock Company is incorporated as a joint stock company under the Investment Certificate No. 321032000092 issued by the People's Committee of Da Nang City on 28 October 2009. The principal activities are to manufacture and trade pharmaceutical chemistry, medicinal chemistry, cosmetics and functional foods; research and develop scientific application for pharmaceutical products.

(**) The Company has not determined fair values of these equity investments for disclosure in the financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under the Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of these equity investments may differ from their carrying amounts.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

14. LONG-TERM PREPAID EXPENSES

	Prepaid land costs	Advertising costs	Total
	VND	VND	VND
Opening balance	16,596,148,800	712,500,000	17,308,648,800
Amortisation for the year	(479,888,640)	(712,500,000)	(1,192,388,640)
	16,116,260,160	-	16,116,260,160

15. ACCOUNTS PAYABLES TO SUPPLIERS – SHORT-TERM

Accounts payable to suppliers detailed by significant supplier

	31/12/2016		1/1/2016	
	Cost VND	Amount within payment capacity VND	Cost VND	Amount within payment capacity VND
An Duc Advertising and Packaging Co., Ltd	7,573,905,984	7,573,905,984	5,552,027,660	5,552,027,660
Hung Thinh Company Limited	5,204,320,000	5,204,320,000	2,800,620,504	2,800,620,504
Aceto Pte Ltd	1,157,478,000	1,157,478,000	3,884,475,980	3,884,475,980
Other suppliers	18,461,534,882	18,461,534,882	12,685,200,024	12,685,200,024
	32,397,238,866	32,397,238,866	24,922,324,168	24,922,324,168

16. TAXES PAYABLE TO STATE TREASURY

	1/1/2016	Incurred	Paid/Net-off	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Corporate income tax	2,270,156,785	12,846,550,704	(14,550,000,000)	566,707,489
Personal income tax	524,859,754	3,998,088,940	(4,007,120,192)	515,828,502
Value added tax	-	24,122,817,957	(24,122,817,957)	-
	2,795,016,539	40,967,457,601	(42,679,938,149)	1,082,535,991

17. ACCRUED EXPENSES

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Commission for agents	11,186,354,134	3,741,401,091
Professional fees	204,436,546	136,363,636
Interest	875,069,471	203,892,127
	12,265,860,151	4,081,656,854

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

18. OTHER PAYABLES

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Advance from a shareholder for a Business Cooperation Contract (*)	50,000,000,000	50,000,000,000
Dividends payable	18,806,565,000	13,409,025,000
Trade union fee	98,009,600	75,744,748
Social insurance fee	-	97,781,111
Others	22,354,555	20,609,163
	68,926,929,155	63,603,160,022

(*) Advance from a shareholder for a Business Cooperation Contract of manufacturing and selling certain pharmaceutical products. This advance bears a cost which is determined based on the financial performance of the Business Cooperation Contract during the year.

19. BORROWINGS

a. Short-term borrowings

	1/1/2016		Movements during the year		31/12/2016	
	Carrying amount	Amount within repayment capacity	Increase	Decrease	Carrying amount	Amount within repayment capacity
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Short-term borrowings	95,366,784,441	95,366,784,441	206,391,910,600	150,544,356,743	151,214,338,298	151,214,338,298
Current portion of long-term borrowings (b)	487,139,428	487,139,428	6,620,000,000	487,139,428	6,620,000,000	6,620,000,000
	95,853,923,869	95,853,923,869	213,011,910,600	151,031,496,171	157,834,338,298	157,834,338,298

Terms and conditions of short-term borrowings were as follows:

	Currency	Annual interest rate	31/12/2016	1/1/2016
			VND	VND
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Head office	VND	5.3% - 7.6%	52,108,504,315	37,769,709,136
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Head office	VND	5.3% - 7.3%	99,105,833,983	50,732,017,955
Enterprises Investment and Development Fund	VND	5.0%	-	6,865,057,350
			151,214,338,298	95,366,784,441

The bank loans are secured by tangible fixed assets with carrying value of VND11,554 million as at 31 December 2016 (1/1/2016: VND18,283 million) (Note 10).

b. Long-term borrowings

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Long-term borrowings	32,908,272,131	1,769,572,859
Repayable within twelve months	(6,620,000,000)	(487,139,428)
	26,288,272,131	1,282,433,431

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Terms and conditions of long-term borrowing was as follows:

	Currency	Annual interest rate	Year of maturity	31/12/2016	1/1/2016
				VND	VND
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Head office (*)	VND	9.5%	2019	-	1,769,572,859
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Head office (**)	VND	7.23%-7.5%	2022	32,908,272,131	-
				32,908,272,131	1,769,572,859

(*) This bank loan by secured over tangible fixed assets with carrying amount of VND2,221 million as at 1 January 2016 (Note 10).

(**) This bank loan by secured over construction in progress with carrying amount of VND22,918 million as at 31 December 2016 (1/1/2016: Nil)(Note 12).

20. BONUS AND WELFARE FUND

This fund is appropriated from retained profits in accordance with the Resolution of General Meeting of Shareholders. This fund is used to pay bonus and welfare to the Company's employees in accordance with the Company's bonus and welfare policies. Movements of bonus and welfare fund during the year were as follows:

	2016 VND	2015 VND
Opening balance	6,965,257,230	3,634,675,653
Appropriation from retained profits	7,970,918,965	7,323,830,530
Utilisation of bonus and welfare fund	(6,723,293,246)	(3,993,248,953)
	8,212,882,949	6,965,257,230

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance

21. CHANGES IN OWNERS' EQUITY

	Share capital		Share premium		Investment and development fund		Retained profits		Total owners' equity		Non-business expenditure fund and other funds		Total	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
BALANCE AT 1 JANUARY 2015	62,000,000,000	58,100,000,000	60,901,870,807	-	181,001,870,807	-	-	-	181,001,870,807	(301,042,979)	180,700,827,828	-	-	180,700,827,828
Share capital issued	35,650,000,000	23,132,500,000	-	-	-	-	-	-	58,782,500,000	-	58,782,500,000	-	-	58,782,500,000
Net profit for the year	-	-	-	-	44,022,643,763	-	-	44,022,643,763	44,022,643,763	-	44,022,643,763	-	-	44,022,643,763
Appropriation to investment and development fund	-	-	17,168,813,233	-	(17,168,813,233)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Appropriation to bonus and welfare fund	-	-	-	-	(7,323,830,530)	-	(7,323,830,530)	-	(7,323,830,530)	-	(7,323,830,530)	-	-	(7,323,830,530)
Dividends (Note 23)	-	-	-	-	(19,530,000,000)	-	(19,530,000,000)	-	(19,530,000,000)	-	(19,530,000,000)	-	-	(19,530,000,000)
Increase of funds	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,682,961,869	1,682,961,869	-	-	1,682,961,869
Utilisation of funds	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(716,766,583)	(716,766,583)	-	-	(716,766,583)
BALANCE AT 1 JANUARY 2016	97,650,000,000	81,232,500,000	78,070,684,040	81,232,500,000	256,953,184,040	665,152,307	256,953,184,040	665,152,307	256,953,184,040	665,152,307	257,618,336,347	62,502,088,557	62,502,088,557	257,618,336,347
Net profit for the year	-	-	-	-	62,502,088,557	-	62,502,088,557	-	62,502,088,557	-	62,502,088,557	-	-	62,502,088,557
Appropriation to investment and development fund (i)	-	-	35,001,169,592	-	(35,001,169,592)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Appropriation to bonus and welfare fund (i)	-	-	-	-	(7,970,918,965)	-	(7,970,918,965)	-	(7,970,918,965)	-	(7,970,918,965)	-	-	(7,970,918,965)
Dividends (Note 23)	-	-	-	-	(19,530,000,000)	-	(19,530,000,000)	-	(19,530,000,000)	-	(19,530,000,000)	-	-	(19,530,000,000)
Increase of funds	-	-	-	-	-	-	-	-	-	850,000,000	850,000,000	-	-	850,000,000
Utilisation of funds	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(505,720,926)	(505,720,926)	-	-	(505,720,926)
BALANCE AT 31 DECEMBER 2016	97,650,000,000	81,232,500,000	113,071,853,632	81,232,500,000	291,954,353,632	1,009,431,381	291,954,353,632	1,009,431,381	291,954,353,632	1,009,431,381	292,963,785,013	850,000,000	850,000,000	292,963,785,013

(i) The temporary appropriations to these funds are made in accordance with the Board of Management proposal dated 31 December 2016 and subject to the approval of shareholders in 2017.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance

22. SHARE CAPITAL

The Company's authorised and issued share capital are:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Number of shares	VND	Number of shares	VND
AUTHORISED SHARE CAPITAL	9,765,000	97,650,000,000	9,765,000	97,650,000,000
ISSUED SHARE CAPITAL				
Ordinary shares	9,765,000	97,650,000,000	9,765,000	97,650,000,000
SHARES CURRENTLY IN CIRCULATION				
Ordinary shares	9,765,000	97,650,000,000	9,765,000	97,650,000,000

All ordinary shares have a par value of VND10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividend as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Company's residual assets.

At reporting date, the Company's shareholders were as follows:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Number of shares	%	Number of shares	%
VIETNAM PHARMACEUTICAL CORPORATION	2,916,125	29.86%	2,916,125	29.86%
Mr. Nguyen Quoc Thang	2,672,570	27.37%	4,072,570	41.71%
Others	4,176,305	42.77%	2,776,305	28.43%
	9,765,000	100.00%	9,765,000	100.00%

23. DIVIDENDS

On 31 December 2016, the Company's Board of Management proposed to distribute dividends amounting to VND19,530 million, equivalent to VND2,000/share based on the Resolution No. 25/2016/NQ-DHDCD dated 5 May 2016 of the Company's General Meeting of Shareholders (2015: VND19,530 million equivalent to VND2,000/share).

24. INVESTMENT AND DEVELOPMENT FUND

Investment and development fund was appropriated from retained profits in accordance with the Resolution of General Meeting of Shareholders. The fund was established for the purpose of future business expansion.

25. OFF BALANCE SHEET ITEMS

a. Leases

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were:

	31/12/2016		1/1/2016	
	VND	VND	VND	VND
Within one year	1,176,209,405		1,452,762,830	
From two to five years	3,414,608,879		3,515,862,378	
More than five years	3,947,215,325		4,130,965,732	
	8,538,033,609		9,099,590,940	

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

b. Foreign currencies

	31/12/2016		1/1/2016	
	Original currency	VND equivalent	Original currency	VND equivalent
USD	431,491	9,788,026,519	632,022	14,179,888,047

c. Capital expenditure commitments

At the reporting date, the Company has the following outstanding capital commitments approved but not provided for in the balance sheet:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Approved and contracted	23,918,349,240	-
Approved but not contracted	46,893,287,400	81,354,000,000
	70,811,636,640	81,354,000,000

26. REVENUE FROM SALES OF GOODS

Total revenue represented the gross invoiced value of goods sold exclusive of value added tax.

Net revenue comprised:

	2016 VND	2015 VND
TOTAL REVENUE		
Sales	492,582,209,818	373,801,840,342
LESS REVENUE DEDUCTIONS		
Sales returns	(2,428,986,175)	(3,400,191,773)
Sales allowances	-	(15,936,615)
	(2,428,986,175)	(3,416,128,388)
NET REVENUE	490,153,223,643	370,385,711,954

27. COST OF SALES

	2016 VND	2015 VND
TOTAL COST OF SALES:		
Finished goods sold	263,198,621,865	199,295,557,475
Merchandise goods sold	159,127,283	341,735,779
Allowance made/(allowance reversed) for inventories	1,325,968,221	(864,374,190)
	264,683,717,369	198,772,919,064

28. FINANCIAL INCOME

	2016 VND	2015 VND
Interest income	2,048,266,203	1,158,206,964
Dividends	-	648,000,000
Realised foreign exchange gains	551,253,781	433,505,797
Unrealised foreign exchange gains	1,999,955,426	1,951,267,754
	4,599,475,410	4,190,980,515

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

29. FINANCIAL EXPENSES

	2016 VND	2015 VND
Interest expense	10,534,646,168	8,355,913,550
Realised foreign exchange losses	278,325,330	171,348,089
	10,812,971,498	8,527,261,639

30. SELLING EXPENSES

	2016 VND	2015 VND
Salary and related expenses	28,558,662,223	22,367,662,086
Material expenses	2,056,730,296	1,733,965,429
Tools and supplies	27,873,398	29,902,433
Depreciation expenses	942,739,806	545,338,526
Bank guarantee fee	688,140,887	485,485,235
Transportation costs and loading costs	4,754,413,438	4,183,251,780
Marketing and advertising expenses	12,347,627,953	12,230,367,115
Commission	38,156,657,259	26,832,331,124
Other expenses	4,318,129,396	3,691,232,936
	91,850,974,656	72,099,536,664

31. GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	2016 VND	2015 VND
Salary and related expenses	28,979,711,542	20,608,398,678
Material expenses	4,905,890,990	3,115,551,128
Tools and supplies	62,437,095	82,271,821
Depreciation expenses	5,130,940,900	4,077,277,144
Bank charge	233,530,802	594,669,994
Outside services	5,466,830,311	5,159,607,589
Other expenses	7,740,132,942	6,563,190,654
	52,519,474,582	40,200,967,008

32. PRODUCTION AND BUSINESS COSTS BY ELEMENT

	2016 VND	2015 VND
Raw material costs included in production costs	272,465,971,536	222,324,145,378
Labour costs and staff costs	78,107,677,793	58,818,882,254
Depreciation and amortisation	17,703,862,273	15,655,241,135
Outside services	19,837,250,137	17,629,375,393
Other expenses	78,564,860,522	64,072,306,661

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

33. INCOME TAX

a. Recognised in statement of income

	2016 VND	2015 VND
CURRENT TAX EXPENSE		
Current year	12,846,550,704	10,891,916,485
Under provision in prior years	-	34,066,490
	12,846,550,704	10,925,982,975

b. Reconciliation of effective tax rate

	2016 VND	2015 VND
Accounting profit before tax	75,348,639,261	54,948,626,738
Tax at the Company's tax rate	12,809,268,674	10,989,725,348
Non-deductible expenses	23,389,681	31,791,137
Effect of different tax rate applied to other income	13,892,349	-
Tax exempt income	-	(129,600,000)
Under provision in prior years	-	34,066,490
	12,846,550,704	10,925,982,975

c. Applicable tax rates

Under the terms of Business Registration Certificate, the Company has an obligation to pay income tax at the rate of 28% of taxable profits. Effective 1 January 2009, the Company's income tax rate is reduced from 28% to 20% and to 17% for 2016.

All the above tax exemption and reduction are not applicable to other income which is taxed at a usual tax rate of 22% for 2015 and 20% from 2016.

34. BASIC EARNINGS PER SHARE

The calculation of basic earnings per share for the year ended 31 December 2016 was based on the profit attributable to ordinary shareholders after deducting the amounts appropriated to bonus and welfare fund of VND54,531 million (2015: VND36,699 million) and a weighted average number of ordinary shares outstanding of 9,765,000 (2015: 8,588,874), calculated as follows:

i. Net profit attributable to ordinary shareholders

	2016 VND	2015 VND
Net profit for the year	62,502,088,557	44,022,643,763
Appropriation to bonus and welfare fund	(7,970,918,965)	(7,323,830,530)
Net profit attributable to ordinary shareholders	54,531,169,592	36,698,813,233

ii. Weighted average number of ordinary shares

	2016	2015
Issued ordinary shares at the beginning of the year	9,765,000	6,200,000
Effect of shares issued during the year	-	2,388,874
Weighted average number of ordinary shares for the year ended 31 December	9,765,000	8,588,874

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

for the year ended 31 December 2016 (continued)

Form B 09 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

35. SIGNIFICANT TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

In addition to related party balances disclosed in other notes to these financial statements, the Company had the following transactions with related parties during the year:

	Transaction value	
	2016 VND	2015 VND
VIETNAM PHARMACEUTICAL CORPORATION – A MAJOR SHAREHOLDER		
Dividends	5,832,250,000	5,832,250,000
Payables for Business Cooperation Contract	2,985,931,507	3,261,677,095
Purchases of shares	1,575,000,000	-
DA NANG PHARMACEUTICAL – MEDICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY		
Sales of goods	8,047,645,648	6,126,794,185
DANAPHA – NANOSOME PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY		
Sales of goods	95,264,752	113,827,520
MEMBERS OF BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISORS		
Remunerations and business allowances	4,947,090,276	2,591,976,133

10 March 2017

Prepared by:

Approved by:



Trung Thi Dieu Huyen
Accounting Manager



Nguyen Thi Van Tho
Chief Accountant



Nguyen Quang Tri
General Director

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG 2016

SOCIAL ACTIVITIES 2016

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG THƯỜNG NIÊN

- Phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng.
- Hoạt động khuyến học, hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó.
- Hỗ trợ trẻ em mồ côi, tàn tật, nạn nhân chất độc màu da cam.

CÁC HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU NĂM 2016

- Đóng góp kinh phí Quỹ phòng chống thiên tai (46.000.000 VNĐ)
- Đóng góp kinh phí cho Quỹ đền ơn đáp nghĩa Tp Đà Nẵng (46.000.000 VNĐ)
- Tài trợ kinh phí chương trình Ngày vì người nghèo - Đảng ủy khối Doanh nghiệp TP Đà Nẵng phát động. (10.000.000 VNĐ)
- Tổ chức Chương trình tặng quà cho nạn nhân chất độc màu da cam xã Hòa Phú Tết 2016 (55.000.000 VNĐ)
- Tổ chức Chương trình tặng kính Mắt thần cho người khiếm thị tại Quảng Nam (tổng trị giá 111.000.000 VNĐ)
- Tổ chức Chương trình "Danapha - Cùng em đến trường" (tổng trị giá 36.000.000 VNĐ)

ANNUAL SOCIAL ACTIVITIES:

- Taking care of Vietnamese heroic Mothers and people with meritorious services to the Revolution.
- Promoting education and supporting poor students with high academic achievements.
- Supporting orphans, children with disabilities and victims of Agent Orange.

KEY SOCIAL ACTIVITIES IN 2016:

- Contributing to Natural Disaster Prevention and Control Fund (VND 46,000,000)
- Contributing to Danang's Gratitude Fund (VND 46,000,000)
- Donating money to Day for the Poor – initiated by Enterprises' Party Committee of Danang City (VND 10,000,000)
- Organizing a gift giving program for victims of Agent Orange in Hoa Phu commune – Lunar New Year 2016 (VND 55,000,000)
- Donating "Magic eyes" glasses for the visually-impaired people in Quang Nam (VND 111,000,000)
- Organizing Program "Let's go to school with Danapha" (VND 36,000,000)

Đảm bảo quyền lợi và chăm lo đời sống cho người lao động một cách tốt nhất. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội với các cam kết về bảo vệ môi trường

Ensuring the best interests of and care for employees' lives. Adequately fulfilling responsibilities towards the community and the society with commitments on environmental protection.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA

VĂN PHÒNG - NHÀ MÁY 1

253 Dũng Sĩ Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
T: (84. 236) 3757676 / 3757679 F: (84. 236) 3760127
E: info@danapha.com

NHÀ MÁY 2

Đường số 7 - KCN Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
T: (84. 236) 3734678 F: (84. 236) 3760127

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Số 9, Ngõ 87 Nguyễn Văn Trỗi, P. Phương Liệt,
Q. Thanh Xuân, Hà Nội
T: (84. 4) 36647357 F: (84. 4) 36649628

CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

334 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
T: (84. 8) 39708129 F: (84. 8) 39708127

CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG

253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
T: (84. 236) 3760952 F: (84. 236) 3760938

CHI NHÁNH TẠI THANH HÓA

Lô 28 Bà Triệu, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hóa
T: (84. 237) 3719917 F: (84. 237) 3719918

CHI NHÁNH TẠI KHÁNH HÒA

7/1 Lê Hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa
T: (84. 58) 3870077 F: (84. 58) 3870097

CHI NHÁNH TẠI VINH PHÚC

Số 43, lô S6 Khu Đô thị chùa Hà Tiên, P. Liên Bảo, TP. Vĩnh Yên,
Tỉnh Vĩnh Phúc
T: (84. 211) 3656599 F: (84. 211) 3656779

CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ

A3-22 đường số 10, KDC Nam Long, Khu vực 02, P. Hưng
Thạnh, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
T: (84. 710) 3913777 F: (84. 710) 3913777

www.danapha.com

DANAPHA PHARMACEUTICAL JSC

OFFICE AND FACTORY 1

253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Da Nang City
T: (84. 236) 3757676 / 3757679 F: (84. 236) 3760127
E: info@danapha.com

FACTORY 2

Road No. 7 - Hoa Khanh Industrial Zone, Da Nang City
T: (84. 236) 3734678 F: (84. 236) 3760127

HANOI BRANCH

No. 9, Lane 87 Nguyen Van Troi, Phuong Liet Ward, Thanh
Xuan District, Ha Noi
T: (84. 4) 36647357 F: (84. 4) 36649628

HO CHI MINH CITY BRANCH

334 To Hien Thanh, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh City
T: (84. 8) 39708129 F: (84. 8) 39708127

DA NANG BRANCH

253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Thanh Khê District, Da Nang City
T: (84. 236) 3760952 F: (84. 236) 3760938

THANH HOA BRANCH

Lot 28 Ba Trieu, Dong Tho Ward, Thanh Hoa City
T: (84. 237) 3719917 F: (84. 237) 3719918

KHANH HOA BRANCH

No. 7/1 Le Hong Phong, Nha Trang City, Khanh Hoa
T: (84. 58) 3870077 F: (84. 58) 3870097

VINH PHUC BRANCH

No.43, lot S6 Ha Tien Pagoda Urban Area, Lien Bao Ward,
Vinh Yen City, Vinh Phuc Province
T: (84. 211) 3656599 F: (84. 211) 3656779

CAN THO BRANCH

A3-22 Road 10, Nam Long Residential Area, 02 Area, Hung
Thanh Ward, Cai Rang District, Can Tho City
T: (84. 710) 3913777 F: (84. 710) 3913777

www.danapha.com